

Năm thứ hai. - Số 37

Thứ tư

4 Mars 1942

trilân

tạp chí văn-hóa ra hằng tuần

知 新 雜 誌

TRONG SỐ NÀY :

Những ông nghệ triển Lê (XII)	Nguyễn Văn Tố
Tài-liệu để định-chính những bài văn cổ (XVII)	Ứng
Phê-bình « Từ Hà-nội đến La Courline »	Hội-T
Nhĩa qua văn-học Việt-nam năm 1941 (IV)	Lê-Thanh
Vương An-Thạch hay Lê Quý-Đôn ?	Kiên-Thanh-Quế
Ấn-độ	Nhật-Nham
Vay tiền trả chữ	Tiên-Đàm
Cụ nghệ Tân với cụ Nguyễn-công-Trứ	Khá-ảnh
Thoát cung vua Mạc (XII)	Chư-ẩn
Bà Nghệ sáu tiên	Thi-Nha
Hát lượn	Nhật
Các vùng ngoại ô và thôn-quê cần có những « duyệt thư, báo xã »	Hoa-Bằng
Thơ của Vô Huy-Tấn	H. B.
Việt-nam văn-học sử (XXII)	Hoa-Bằng

GIÁ BÁO :

Mỗi số
15 xu

1 năm 6\$80

6 tháng 3.50

3 tháng 1.80

REVUE
CULTURELLE HEBDOMADAIRE

195, RUE DU COTON, 195

HANOI

Trở lại vấn-đề lập thư-viện Việt-nam

CÁC VÙNG NGOẠI Ô VÀ THÔN-QUÊ CẦN

NHƯ đã viết trong Tri - Tân số 36 trước, bạn Khuông-Việt phác thảo cái chương trình lập một thư viện Việt-nam, nhu-khoản mỗi năm chỉ độ 2.060p.

Với số bạc nhỏ-mọn ấy, một vạn nhà hăng sản trong Trung, Nam, Bắc chỉ cần bỏ ra mỗi năm 63 xu, là có thể nuôi sống được ở mỗi nơi thị-trấn lớn (Hà-nội, Huế và Sài-gòn) một Quốc-học viện.

Nếu chương - trình đó được thực-hiện thì, chỉ trong một thời-gian rất ngắn, sách, báo quốc-văn sẽ có một tương-lai rực-rỡ và trình độ tinh-thần của dân - tộc Nam-việt sẽ lên cao, nức khả-quan.

Lợi-ích và cần - thiết của thư-viện, chẳng nói, tưởng ai cũng đã thừa biết. Vì theo «tương-đại luật» về xã-hội học thì, xứ nào đời nào cũng vậy, cái xấu cái tốt trong xã-hội thường vẫn thay nhau mà giảm xuống hay tăng lên. Một xứ, giáo dục có được phổ cập, thì dân-trí mới khai-thông. Hễ số những nơi bồi-dưỡng thần trí cho dân như nhà xem sách, xã đọc báo mỗi ngày một tăng lên thì những chỗ tiêu-khiển có hại như «hộp đêm», tửu quán sẽ giảm dần xuống. Vậy muốn đo trình-độ tinh-thần một dân-tộc, người ta có thể căn-cứ vào cái «lượng» bên tốt nhiều hơn hay bên xấu nhiều hơn.

Chinh-phủ không phải không xét đến chỗ đó, nên từ lâu đã lập thư viện ở Hà-nội, Huế và Sài-gòn. Ngặt vì bấy lâu còn mãi lo việc truyền-bá Pháp-văn cho dân ta, nên trong mấy thư-viện ở nhưng thủ-đôi đó mới chỉ chú - trọng về phần sách, báo chữ tây, chứ chưa rảnh nghĩ đến việc

khuyến-trương phạm - vi về mặt các sách, báo quốc-ngữ.

Vả, về phần dân ta, không phải ai ai cũng có thể « ăn » đồ linh-lương bằng những sản-phẩm chữ pháp được, vì số người không biết chữ pháp đến nay cũng còn rất nhiều. Huống chi ghế ngồi trong thư-viện, như thư-viện Trung-ương Hà - nội, hầy còn có hạn, nên sự cho «cá» đề vào đọc sách trong đó vẫn phải hạn chế. Một khi đã bị hạn-chế, lẽ tất nhiên ảnh-hưởng của thư-viện chưa được phổ-cập.

Vì những lẽ đó, việc lập thêm Quốc-học viện, đối với trình độ, tình-hình và hoàn-cảnh của ta nay, thật là một việc cần có lắm.

Trong bài trước, bạn Khuông-Việt có ý muốn kêu - gọi tấm lòng từ-thiện và háo nghĩa của những nhà hăng sản hăng - tâm, và muốn trước hầy thực-hành việc lập «Quốc-học viện» ở các thủ-đô như Hà-nội, Huế và Saigon, thứ mới đến những việc như « thư-viện hàng tỉnh » và « xe sách luân-chuyền » v.v.

Nay tôi muốn đồng - thời cùng làm, ở thành - phố cũng như ở các tỉnh, mỗi nơi một « duyệt thư, báo xã », tức là chỗ để xem sách, đọc báo như trong chương-trình mà bạn Khuông-Việt đã bàn. Nếu chưa thể làm cả một lúc thì tôi muốn hầy có ở các tỉnh trước vì những cơ này :

1 Dân thành - phố phần đông đều biết chữ pháp, có thể lui tới thư-viện do chinh-phủ đã lập mà « ăn » những món bồi-dưỡng thần-trí được. Vả, phần nhiều người đã có thói quen đọc sách báo, hằng

ngày không mấy ai bỏ qua món « nghiệm » tinh - thần ấy, nên dù chậm lập « Quốc-học viện », họ cũng chưa thấy thiếu sự nhu-cầu, hạc-sách của tinh-thần.

2 Còn dân quê, nhất là vùng ngoại ô hay ngoại chân-thành cũng thế, số người biết quốc-ngữ ngày một tăng nhiều, mà hằng ngày họ phải thiếu-thốn và thêm-thường những món « linh-lương », lẽ tất nhiên cần có những « duyệt thư, báo xã » để làm thỏa-mãn tinh-thần họ trước.

3 Dân quê Trung, Bắc-kỳ, về mặt kinh-tế, thường thường eo-hẹp, nên ít khi dám bỏ tiền ra mua sách, báo làm đồ giải trí. Những nhà giàu-có ở vùng quê phần nhiều hầy còn chưa có thói quen mua sách báo, nên những hạng con em họ đã đỗ bằng cơ-thủy hay bằng yếu-lược chẳng hạn rất « kham khổ » vì thiếu món ăn tinh-thần. Một khi các « duyệt thư báo xã » đã nhử họ được « biết mùi » rồi, thì dần dần về sau, thói quen gây thành,

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN
195, phố hàng Bông Hanoi

◆
Đã có bán

Mẹo chữ Hán

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng đều phải xem

Giá 0\$35 **ước 0\$06**

Gửi bằng tem (cò) cũng được.
Không gửi lối lĩnh hóa giao ngân

CÓ NHỮNG « DUYỆT THƯ, ÁO XÃ »

ham chuộng sách, báo, bấy giờ họ sẽ sốt sắng đến việc nuôi-dưỡng tinh-thần cho họ và cho con em họ.



Muốn cho các tỉnh, từ vùng ngoại ô đến các thôn-quê, có những « duyệt thư, báo xã », tôi tưởng có thể làm theo những cách rất giản-tiện này : Mượn ngay các văn-miếu hàng tỉnh, các văn-chỉ hàng huyện hoặc hàng xã làm chỗ đọc sách, báo.

Mượn được những chỗ đó làm xã-sở rồi, ta sẽ không phải lo đến việc xây nhà hay thuê nhà làm thư-viện gì nữa.

Chắc có người sẽ « bàn ngang » : Văn-miếu và văn-chỉ là những nơi thờ-phụng Tiên-thánh và liệt vị tiên hiền hàng huyện, hàng xã, sao lại nên dùng làm chỗ đọc sách, báo ? Vì hằng năm còn có xuân thu nhị kỳ tri lễ thì sao ?

Thưa : Tiên-thánh là ai ? Là đức Khổng-tử ! Các vị tiên-hiền là những ai ? Là các cụ khoa-mục hàng huyện hay hàng xã đã quá-cổ. Nếu vậy, nay dùng những nơi ấy làm thư-viện thì rất hợp lẽ, vì đức Khổng-tử muốn cho tư-văn (cũng như nói cái đạo ấy...) không mất ; mà các cụ khoa-mục xưa ai lại chẳng theo cái tiêu-ngữ này : « Tử tôn tuy ngu, Thi, Thư bất khả bất đọc » (con cháu dầu ngu dốt cũng không nên không đọc Thi, Thư) ? Thế thì nay ta sao lại không thể dùng những nơi ấy làm « duyệt thư, báo xã » để làm nền-trộn cái chí của người xưa ?

Đến khi thư-viện đã thành lập hẳn gặp những ngày xuân-te hay thu-tế thì thư viện sẽ « nghỉ lễ » một hai ngày ấy để nhường cho cho những tiếng chuông trống và làn khói hương, phụng cáo hai vị mà ngại ?



Nhưng còn phương-dien kinh-tế để nuôi sống những « duyệt thư, báo xã » ấy ?

Ngoài cách trông-mong vào sự lạc-trợ của các nha hăng-sản và sự quyn sách, báo của các nhà hăng-tám, như ban Khuông-Viet đã nói trong bài trước, ta lại có thể nhờ ở tấm lòng « thức thời đại nghĩa » của các vị tấn-than hàng tỉnh, hàng huyện hoặc hàng xã.

Ngoài Bắc này, thường thường tỉnh nào cũng có văn-miếu hàng tỉnh, văn-chỉ hàng huyện và văn-chỉ hàng xã.

Đề cung hương-lửa cho những nơi ấy, từ xưa vẫn có tự-diền.

Cử lệ : Văn-chỉ hàng huyện Từ-liêm vùng tôi, tự-diền có đến hơn chục mẫu ruộng rất tốt. Đó là do

hững món tiền vong của các vị khoa-nu hà g huyện gom-góp từ xưa đến nay mà tôi được vậy. Hằng năm số ruộng đó giao cho nầy ông cán-viên đứng nhận làm, lấy h a-lợi để cung hai kỳ xuân, thu tế Mộ kỳ tế, độ vài ba con lợn, đề trước cúng, sau làm cỗ và phần ; lại kèm thêm bồi bàn để tiếp những vị huyện thân đến dự lễ. Ch dùng có thể thôi.

Nếu nay các vị tấn-than hàng huyện tán thán việc lập « duyệt thư, báo xã » nay, thì nên giảm bớt xô thịt, hằng năm trích ra độ 50 phần trăm (50 %) trong số hoa lợi của ruộng để nuôi sống một cái thư viện hàng huyện, tưởng cũng chưa g khó gì.

Suy đó ra, lớn từ hàng tỉnh, nhỏ đến hàng xã, văn miếu cũng như văn-chỉ, đâu đâu cũng chịu hi-sinh một chút như thế thì, tôi tưởng, chỉ một vài năm, suốt các tỉnh khắp ba kỳ, sẽ de thực-hiện được những « Quốc-học viện » để bồi trí, ích thần cho dân chúng.

HOA-BẮNG

Vient de paraitre

CENT REDACTIONS

AU CERTIFICAT D'ÉTUDES
PRIMAIRES COMPLÉMENTAIRES INDOCHINOIS

par

TRẦN-HUY-CƠ et NGUYỄN-HUY-HOÀNG

Instituteurs

Livre indispensable aux candidats au Certificat d'études

Prix 0\$65. Port 0\$09 Éditions ĐÔNG TÂY, 195 rue du Colon Hanoi

ÔNG VÕ HUY-TẤN

Số 3

HOA-BẢNG

Thơ

NHƯ trong bài thứ hai đã nói, Võ Huy-Tấn, tác giả *Hoa trình tùy bộ tập*, 華程隨步集, trong khi đi sứ Tàn, bề gặp phong cảnh ở dọc đường, như sông lớn, núi cao, vết kỳ, dấu đẹp, thường không bỏ qua cái hào hứng ngâm vịnh để ghi chút kỷ-niệm của móng chim hồng.

Khi qua bến đò Văn-sơn, Võ trông ra núi Văn - sơn, có bài viết Văn Thừa-tướng rằng :

*Thiên linh Tống trạch, di Thừa-tướng :
Đình đối tiên tư thiết thạch trường !
Diễn-bái bán sinh tranh Tào-hóa .
Thung - dung nhất tử nhậm cương-thường .
Tinh trầm cổ hạm, tâm trường hướng .
Phong quyền tân bài, hận vị thường .
Tối thị Văn-sơn ngưng để xứ :
Hàn nhà sở diêm diêu tậ dương !
— Quá Văn-sơn tân thứ, vọng Văn-sơn
điếu Văn Thừa tướng.*

DẪN GIẢI

Văn Thừa-tướng là quan Thừa-tướng họ Văn, tức Văn-thiên-Tướng, tên tự là Tống-thụy, tên hiệu là Văn-sơn, người Cát-thủy đời Tống, đậu tiến-sĩ triều vua Lý-tông (1225-1264), làm An-phủ-sư ở miền Giang-tây.

Hồi quân Nguyên vào đánh nhà Tống, ông đem quân đi kháng chiến. Sau vâng mạng vua Tống, sang sứ bên Nguyên, ông bị

cầm giữ ; rồi lại trốn được vào Chân-châu. Khi đó, vua Tống Đoan-tông (1276-1278) lên ngôi ở Phúc-châu, cử ông làm ữu-tướng, phong Tín-quốc-công. Bấy giờ ông lại mộ quân liên đánh, cố mong khôi phục. Chẳng may sức mỏng, binh thua, ông lại bị bắt ! « Thác trong còn hơn sống đục », ôm cái tiết tháo ấy, không chịu khuất với quân Nguyên, ông có làm ra bài *Chinh khi ca* đề tỏ chí mình, rồi ung dung chịu chết.

Tác-phẩm của ông có bộ *Văn-sơn tập* : 17 quyền thơ-văn, một quyền *Chỉ-nam-tiền-lục*, hai quyền *Chỉ-nam-hậu-lục* và một quyền *Kỷ-niên-lục*.

Đình đối tiên tư thiết thạch trường — Hai chữ « đình đối » trong câu thơ này là chỉ về bài thi đình-đối của Văn-sơn ngày mồng 8, tháng 5, năm Bảo-hựu thứ tư (1256), mà chính khoa ấy Văn đỗ tiến-sĩ thứ nhất. Bài đối sách ấy sau in thành tập, dài những hơn 27 tờ, trong có những câu mạnh mẽ như : « ... Thần thủy dĩ bất tức nhị tự vi bệ-hạ miễn ; chung dĩ công đạo, trực đạo vi bệ-hạ hiển... Thần phú tính sơ ngu, bất thức hủ ký ; ác bút chí thử, bất tư tri kỳ ngôn chi quá ư kích ! .. » Nghĩa là « tôi ban đầu đem hai chữ không ngừng đề khuyên nhà vua, sau đem đạo công bằng và đạo ngay thẳng để hiển bệ-hạ... Tôi bẩm sinh là người có tính thô-sơ và ngu-dần, không biết kiêng-sợ, cầm bút viết đến đây, chẳng dè lời nói đã quá kích đến thế .. »

Vậy, câu thơ trên củ Võ ý nói : vì Văn Thiên-Tướng có lòng kiên

trình như sắt đá, nên đã tỏ ở trong bài « đình-đối » từ trước rồi.

Phong quyền tân bài — Tương truyền rằng sau khi Văn Thiên-Tướng tuấn tiết, người Nguyên làm bài vị để tế, đề là *Đại Nguyên Thừa-tướng...* » Thình-lình nổi cơn gió cuồng, thổi cái bài-vị mới ấy cuốn đi đâu mất ! Người Nguyên sợ, bèn viết lại rằng : « *Cổ Tống Thừa tướng...* ». Vì vậy, tác-gả mới đặt câu : « *Phong quyền tân bài, hận vị thường* ».

DỊCH

*Phúc Tống, trời cho sót lại ông :
Sắt son đã tỏ, đối sản rồng.
Nửa đời lận-đận tranh quyền
Tạo ;
Một chết cương-thường nhẹ chiếc
lông !
Thuyền cũ, sao chìm, lòng vẫn
đổi .
Thẻ đề, gió cuốn, hận còn tung !
Văn-sơn, ô nhĩ ! khi buông mắt :
Dưới ánh tà-dương, quạ lạnh-
lùng !*

Con bả ho

Nhất là HO GÀ
đề chậm ngày nào, hại
trẻ ngày ấy, nên mau
mau cho cháu uống

Thuốc ho gia đình

Tổng phát hành

**Nhà thuốc
Tuệ-Tĩnh**

53, rue Auvergne VINH

Đón coi :

Hát-giang trường lộ
Thơ của Minh-Tuyên

Đề du-lãm những nơi thắng-cảnh ở đất Tàu, Võ được theo đoàn ngự đi thăm Đẳng-vương các (1) ở trên cửa sông Tây-chương thuộc tỉnh Giang-tây.

Đối cảnh, nay cam-hưng, lai-láng lòng thơ. Võ có ứng chế, làm tám câu văn vắn đề kỷ-thuật cuộc tráng-du ấy và đề tỏ cảm-tưởng mình đối với cái gác của Đẳng-vương Nguyên - Anh đời Đường :

Hổ lòng van lý hữu tư du,
Diệp nhạ thần phong tống khách chu !

Đế-tử lầu-đài, tình kỷ hoán !
Vương - đồng văn - tự, nguyệt trường thu.

Đồng văn, liêm vũ cung kim hưng.
Đam ảnh giang lưu cộng cổ sầu.
Phủ ngưỡng kiền khôn, tình túc mộng :

Gác phi hồng trảo ngẫu - nhiên lưu...

鳬從萬里有期遊
亦訝神風送客舟
帝子樓臺星幾換
王童文字月長秋
棟雲簾雨供今興
潭影江流共古愁
俯仰乾坤醒夙夢
覺非鴻爪偶然留

— Ứng chế đề Đẳng-vương các

Với bài thơ ấy, Võ có kèm thêm lời dẫn bằng chữ Hán, tôi xin dịch ra như đây :

« Đẳng-vương là phiên-vương đời Đường. Gác cất bên sông, thật là nơi du-quan một thời. Mà gác ấy riêng được nổi danh nghìn thu là một danh thắng ở Giang-tây, há chẳng phải vì một bài tựa của Vương Tử-An trong có câu « ráng rặng, cò côi ; nước thu, trời biếc » đủ làm cho nó được sống lâu mà

lưu-truyền mai ?

« Nay, bên nam non tây, thuyền chài trệu nhạp, phàm những đại-quan mà đứng trên gác ấy trông thấy đều được trong bài tựa mô-tả ra hết, thì sau đó, dầu ai có làm bài khác nữa cũng không thể hơn được.

« Tôi hộ giá đi triều-cận, được đến chơi chỗ này là nơi mà xưa nay « thuyền sứ-giả » chưa bao giờ được ghé tới. Đó há chẳng phải vì có cái nhân cũ, duyên xưa và phong-cảnh và văn-chương ?

« Nhân vị Đốc-hiến có x' n với Quốc-vương (tức giả-vương cùng đi với Võ Huy-Tấn bấy giờ) bảo tôi làm một bài thơ đề khắc vào đá đề kỷ-niệm cuộc đi chơi này, tôi mừng, bèn cầm bút viết xong ngay mà dâng lên ».

DẪN GIẢI

Đế-tử, là con vua, chỉ về Đẳng-vương Nguyên Anh đời Đường.

Lầu-đài chỉ về cái nhà gác của Đẳng-vương cất ở Hồng-châu (nay là phủ Nam-xương bên Tàu) khi vương làm Đô-đốc ở đó.

Vương đồng chỉ về Vương-Bột, tên tự là Tử-An (xin coi lại Tiểu-sử Vương Bột ở Tri-Tân số 8, trang 8) Vì khi làm bài Đẳng-vương các tự, Vương Bột hãy còn nhỏ tuổi, tự xưng là « đồng-tử », nên nay Võ mới hạ đều chữ « Vương đồng » như thế.

Vương đồng văn-tự tức là chỉ về bài tựa và bài thơ của Vương Bột làm trong dịp dự tiệc của Diêm Bá-Dư, Đô-đốc Hồng-châu, thiết tiệc-khách giữa ngày mồng 9 tháng 9 ở Đẳng-vương các sau khi Diêm đã đứng trùng-tu cái cao các ấy.

Hồng cháo . nghĩa đen là móng của chim hồng ; nghĩa bóng là dấu vết của việc đã qua, ví như chim hồng đã bay đi rồi, nhưng móng chân của nó còn in dấu trên mặt tuyết.

DỊCH

Muốn dăm theo vua đèn chổ này,
Nhẹ đưa thuyền khách : gió mầu thay !

Lầu-đài con chúa, vòng sao dôi.
Văn - tự chàng Vương, bóng nguyệt lay.

Mây nó, mưa mạnh, chung hừng ấy...

Sông trôi, dầm anh, gộp sầu đầy.
Cui ngửa ngăm xem bùng mộng cũ (2) :

Móng in há phải chuyện ra-may (3) ?

Thu đã thổi gió heo-may. Khi ở Yên-đài (tức Hoàng-kim-đài, ở vào Kinh-triệu bên Tàu ngày nay), Võ có làm 30 bài thất ngôn tứ tuyệt đề vịnh thu. Nay xin trưng-dẫn mấy bài và dịch nghĩa ra sau đây :

THU MỘNG

(Bài thứ 26)

Liêu liêu vịnh dạ, lữ đình thu .,
Hương mộng khinh tương vạn lý du.

Tổn lai sở thanh tần hoán lĩnh :
Do-nhiên hải độc nhất phù bình !

DỊCH

Quán khách đêm thu đắm tịch-liêu . .

Hồn quê muốn dăm gửi chi-m-bao.

Gió thu mẩy tiếng lay bùng tỉnh :
Góc bề bèo trời vẫn gặt-dào !

THU LAN

(Bài thứ 17)

Quốc hương bất trực dạ sương đ'êa,

Đô: hương song tiền sinh dĩ kiều.
Mạc sử du phong thấu bội khứ,
Lưu tương tình kỷ bạn sầm-liêu.

DỊCH

Mặc đêm sương lạnh, chẳng tàn theo,

Vẫn trở bên song về mỹ miều.
Chớ để cái ong bu trộm, lảng . .

Bày trên án sách khỏi cô-liêu.
xem tiếp trang 9

HOA BẢNG

khéo dơ tuồng dơ đồ cá ngọn tre, kiếm ăn như nhai; lúc nộp quyền bòn văn đã khoa, van lại phòng tiếng nhỏ tiếng to, khi ra trường trống điểm quá canh, gọi dầy tờ ăm-à ăm-ôi.

Buồng nhà trọ lúc thở dài vuốt bụng, những mừng thăm quyền ấy du được là may, ghê có hang khi vất-vẻo rung đùi, lại khoe mẽ văn kỳ nay nghe cũng lợi; lúc hẹp dạ những bàn dầy bàn mỏng, nhờ lượng quan trường rộng but cuối bằng chàng từ, khi cả gan lại nghĩ quần nghĩ quanh. họa trong quyền có câu thần, thủ-khoa cũng phải.

Đến khi ghê chéo dán lọng xanh, bành voi giương ống gọi: số cử-nhân xướng đã du lần, dòng niên hiệu đọc vừa đến cuối; thay đồ nọ nét mặt tế tồ-ngoại, áo quàng vai đi tất-lả tất-toi, bắc tú kia dẫu gởi tranh trường-nam, non cấp nách chạy hất-hơ hất-bãi.

Nào những lúc ra trường đoạn: xanh-xang hàng phố, giày kéo lê, quần chám gót, dĩa-dàng thay tốt bộ cử-nhân! Nào những khi xướng danh rồi: lui gót cửa trường, khăn bỏ giọt, áo vắt lưng, lơ-láo tuồng như hình chú lái; nghĩ đến một tháng tròn phí-tồn, làm lại chùng con mẽ con kim, như chữ ba đời trước cung khai, thêm tủi với ông bà ông vải.

Như-nhắc lúc quặp râu về trọ, dầy-tờ lơ-dờ, mụ hàng ánh-ôi, lắng tai nghe gà gáy để tìm lui, buồn tên khi vác mặt về nhà, trẻ con nhặt-nheo, mẹ nó thờ-ơ, vầy đuôi thấy chó mừng càng thêm tủi; trước cũng nghĩ đi cho ki-ôi cáo, tiền tài mua lấy cái trò chơi, ai ngờ ra về lại hoàn mèo, mọo lẩn liệu đường mà nói giải.

May phút chốc thôi kiêu cì ừa được hẳn, như dựa mới rất, rừu giầu mới héo, ngại-ngùng rừu

thẹn với dau râu, đang kẹp thay l mùi hơm bót từ đây, lấy nông mà đề, lấy rõ mà che, ngư-ngáo chẳng còn ra mặt-mũi.

Thôi thì thôi, canh bạc bằng chân, chuyển buôn không lãi; cùng thông cuộc thề biết hay sao! Phong sắc lòng giới đừng vội hỏi; hồng khoa này chờ khoa khác, thép hù g văn đức lại mới nên g'à, qua một sự sinh một điều, đường thế-cổ phải lâu rồi mới giỏi.

Số phận chờ bàn sớm muộn, có học có thi có hồng, có đơ-ngang cho phải chí mới cam, quân ân, nào hạn trước sau, còn giới còn nước còn non, còn vinh-hiền với thế-gian được mãi; dẫu kể gọi ngựa bảo trâu cũng mặ, cái hay cái dở không cùng: dầy ta lấy mai với hạnh mà suy, nở trước nở sau có hội.

Kể nhơ-nhã suy cho cùng lý, giới đã hậu người tai mắt ý chữ « sinh tài hữu dụng » hẳn không lo, mà trượng-phu thì phải tự-cường, giới không phụ kể sách đèn, nào câu « hữu chí cánh thành » xin chờ vội; nay nhân ngồi đó cũng buồn, ruột càng thêm rối; trách phận đã no trách số, nôm na mượn bút làm vui, cười mình dẫu dám cười ai, chấp-chảnh vãi nhời tự hỏi.

(Theo quyền Quốc-văn tùng-ký, của Hải-châu-tử biên-tập, sách viết bằng chữ nôm của Trương Bạc-cổ, số AB 383, quyền hạ, tờ 15 b. 18 a).

LXX

Ô-diên cổ-thành

Núi sông Lý, Triệu tan-tanh,
Điền bay mấy chốn một mi h
thương ôi!
Chiến hòa cuộc phó nước trời
Cỏ cây xanh biếc lối-thối dầy
thành

(Trích ở quyền Phong cảnh b - chí, sách viết bằng chữ nôm c a

Trương Bạc-cổ số AB 377, tờ 100).
LXXI

Thiên-phù biệt-phái
Nước trời không hạt thắm ghềnh,
Thiên-phù bờ cát rành-rành như
không.

Nghìn thu lập miếu vợ chồng,
Trung hồn vì nước biết công
nhường nào!

Trích ở Phong-cảnh biệt-chí,
tờ 11 a) (4)

Còn nữa

Ừng hòe VG. VẤN-TỔ biên tập

1) Bản nôm của Trương Bạc-cổ chép là « Kể về cảnh quốc ngại-ngùng hay »; bản riêng của chúng tôi chép là « Kể về cảnh cũ ngại-ngùng thay », chưa chắc đúng, nhưng còn nghe được, chỉ trùng chữ « thay » với câu thứ sáu.

2) Những bài trích ở quyền Quốc-văn tùng-ký chưa ai in ra quốc-ngữ; toàn là những bài làm vào hồi Lê-mạt. Dưới bài « Chuơng tình » thứ ba có đề chữ « Độ nhị nương thư-ký » (vợ thư hai gửi thư), trên đề « Đậu-niên trọng-xuân vọng-nhật » (ngày rằm tháng hai năm đậu).

3) Ông G. Carder đã chép hai đoạn phú « thi hỏ » trong quyền Littérature annamite (Hà-nội, Viễn-đông ấn-quan, 1914, trang 147-148) và quyền Morceaux choisis d'auteurs annamites (Hà-nội, Lê-văn-Tân, 1932, trang 161-262), đề là Chế người thi hồng. Cụ Đông-châu chép cả bài trong quyền Cổ-súc nguyên-ám (Hà-nội, Đông-kinh ấn-quan, 1918, trang 68-71), đề là Lạc đệ tự chào phđ. Hai ông đều không biết tên tác-g; cụ Đông-châu lại chép những câu sau này khác hẳn với bản nôm của Bạc-cổ: « Chưng hay ngũ xưa nay rập sẵn », cụ chép là « Chưng hay ngũ, sửa sang sắp sẵn »; « Khi ra trường trống điểm quá canh », cụ chép là « Khi ra trường trời đã quá canh », v. v. Còn những chữ lật-vật thì nhiều lắm; thí-dụ « tranh leo g'ội g'ải có ai nhường » cụ chép là tranh leo g'ội g'ải có ai nhường » cụ



6. — Nguyễn-bá Ký người làng Văn nội (chép theo *Đặng khoa lục*, tờ 6 b, và *Việt-sử cương-mục*, q. 18, tờ 28 a, còn *Đặng khoa bị-khảo*, Sơn-nam, tờ 46 b, và *Lịch-triều hiến-chương*, q. 11, tờ 4 a, thì viết là Huân-nội), huyện Chương-đức, phủ Ứng-thiên, đỗ hoàng giáp khoa Mậu-thìn, năm Thái-hòa thứ sáu (1448) đời vua Nhân-tôn. Bắt đầu làm chức Tri-chế-cáo viện Hàn-lâm, rồi thăng Trục-học-sĩ. Mùa đông năm nhâm-thân (1452), làm phó-sứ sang nhà Minh mừng vua Tào lập thái-tử. Khi đi sứ về, được thăng chức Trung-thư-sảnh tả-ti, đồng tri Hải-tây đạo quân-dân bạ tịch, vào châu tòa Kinh-diên (là chỗ giảng sách để vua nghe), kiêm-quản chức Cận-thị-hậu các-cục thượng-kỳ đô-úy. Đến đời vua Thánh-Tôn (1460-1497) lên ngôi, vì ông là người văn-học, nên được gần vua. Đầu năm Quang-thuận (1460) vâng mệnh cùng ông Nguyễn-Trục soạn bia Dương-làng, lại vâng chỉ dụ xét định mệnh-hủy ngự-danh. Thăng chức lễ-lừa nhà Quốc-tử-giám, kiêm văn-minh-diện đại-học-sĩ, thượng-thư quận-công-tước, ra vào chốn cung-diện, được vua quý-trọng, ban cho hiệu « Văn-

phong tiên-sinh ». Vua làm văn thường ra ngoài kinh-sử, ông dâng số can-ngăn, vua giáng chỉ khen lao. Mùa đông năm ất-dậu mất (1465). Vua sai quan tư-lễ đề n sắc-dụ đến tế, trong có câu rằng : « Nhĩ sự thượng dã trung, tri thân dã chính, đán tịch tả hữu, vu tư lục niên, khí cơ tuyệt thời, trung tr nh vị dĩ », nghĩa là « Người thờ vua rất trung, giữ mình rất chính ; lúc sớm lúc tối, bên tả bên hữu, đến nay sáu năm ; hơi thở gần tắt, lòng trung hãy còn ». Bộ *Toàn-Việt thi-lục* (sách viết bằng chữ Hán của Trương bác-cổ, số A 1262 quyển 10 tờ 18 a) của ông Lê-quí-Đôn còn sao lại một bài thơ cận-thê của ông Nguyễn-bá-Ký, đề là *Quá nhuận Hồ cựu-đô hoài-cổ* (Qua thành đô cũ nhà Hồ). Ông Nguyễn-bá-Ký là anh ông Nguyễn-bá-Kỳ (anh em làm quan cùng triều) và là ông ngoại Trần-Phi (sẽ nói sau ; chép theo *Lịch-triều hiến-chương*, q. 11, tờ 4, *Đặng-khoa bị-khảo*, Sơn-nam, tờ 46 b).

7. — Nguyễn-di-Quyết, người làng Trung-Tuân-oai, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên. Làm quan đến tả-thị-lang (*Đặng-khoa bị-khảo*, Sơn-nam, tờ 32 a).

8. — Đặng-Tuyên, người làng Bình-lãng, huyện Tài-la-thị, phủ

Những ông Nghè = triều Lê =

Số 12

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Khoái-châu, đỗ hội-nguyên khoa Mậu-thìn (1448), Thi đình đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ. Lúc mới làm Hàn-lâm-viện đãi-chiến, sau thăng làm thừa-chỉ (*Đặng-khoa bị-khảo*, Sơn-nam, tờ 70 b).

9. — Bùi-Phúc, người làng Lam-diên, huyện Chương-đức, phủ Ứng-thiên. Lúc mới làm Quốc-tử viện, đồng-tu sử. Là em Bùi-Hựu : anh em cùng triều *Đặng-khoa bị-khảo* Sơn-nam, tờ 47 a).

10. — Nguyễn-văn-Chất, người làng Võ-thai, huyện Bạch-hạc, phủ Tam-dai. Hai mươi bảy tuổi đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ khoa Mậu-thìn (1448). Khoảng năm Quang-thuận bính-tuất (1466) làm tham-chính Nghệ-an ; không được bao lâu được cất lên làm đô-ngự-sứ. Khoảng năm Hồng-đức canh-tí (1480) làmчанh-sứ sang cống nhà Minh. Sau làm đến Hộ-bộ thượng-thư, rồi về trí-sĩ. Có soạn quyển *Tục Việt-diện u-linh*. Sinh ra Nguyễn-văn-Tú : phụ tử đáng khoa (*Đặng-khoa bị-khảo*, Thu tập thượng, tờ 60 a).

11. — Phan-Hoan, người làng Lật-sài, huyện Ninh-sơn, phủ Quốc-oai (*Đặng-khoa bị-khảo*, Thu tập thượng, tờ 35 b, chép là huyện Yên-sơn). *Đặng khoa lục* (tờ 7 a) chưa một câu rằng : « Người ở chỗ này (Lật-sài) nói : ông Phan-Hoan chưa kịp vinh qui về làng đã mất. Người châu xa cũng nói : *Đặng khoa lục* chép ông làm quan đến đồng-tu sử-viện là chép nhầm ». *Đặng-khoa bị-khảo* (sách viết của Bác-cổ, số A 485, Thu tập thượng, (Xem tiếp trang 18)

Văn hành công khí

VƯƠNG AN-THẠCH HAY LÊ QUÝ-ĐÔN ?

VƯƠNG AN-THẠCH, một nhà văn kiêm khoa chánh trị, làm tướng quốc đời Tống Thần-Tôn, được phong Kinh-quốc công, nên cũng có tên hiệu là Vương Kinh-công.

Người ta thuật rằng Vương ngày bé rất dốt, học đâu quên đó.

Một hôm, cha Vương đi vắng. Ở nhà, Vương lại không thuộc bài. Giận quá, ông thầy học đánh thẳng tay. Bất đồ Vương ngã lăn ra chết. Thầy sợ hãi, đem Vương ra chôn ở chuồng lợn ; rồi trốn đi.

Ai ngờ giữa đường, lại gặp cha Vương !

— Anh đi đâu mà có vẻ xán xái quá vậy ?

— Tôi định về quê ngay, vì có chuyện nhà...

— Việc gì thì cũng phải đợi tôi về đã chứ. Vả lại, tôi còn phải đưa tiền lộ-phí cho anh.

Người thầy học, vốn bạn thân của cha Vương, liệu thoát thân không được, đành phải thú thật tất cả tội-lỗi mình.

— Tưởng việc gì !.. Chứ thẳng ấy ngu-độn như thế chết cũng đáng...

Thế rồi thầy học và cha Vương đề-huê trở về. Đến nhà, gia nhân báo rằng chỗ chôn Vương ở chuồng lợn thấy động-đậy. Hai người sai đào lên xem. Ra Vương sống lại. Từ đó, học rất thông-minh.

Nhưng, thầy học từ đó luôn luôn áy-náy, mặc dầu Vương đã hoàn sanh. Bao giờ thầy ta cũng nghĩ đến lỗi mình, và thẹn thãm cùng ban. Dạy Vương thêm không được bao lâu, thầy ta tìm cớ thoái-thác, lui về quê.

Về sau, Vương thi đậu, làm quan, nhưng không biết rõ chỗ ở của thầy học cũ. Mỗi lần đi tìm thầy

không được, hễ gặp bụi mây ở đâu, Vương liền sụp xuống lạy tạ, nghĩ rằng lạy tạ công ơn cái roi mây mà ông thầy ngày xưa đã dùng dạy-dỗ mình. Thế nên người đời sau có thơ rằng :

Kinh-công hạ mã bai kinh lũng,

Bái tạ kinh tàng giáo hối công.

Cuốn *Trạng hui* (1) của Nguyễn Nam-Thông xuất-bản gần đây, biên tập về Lê Quý-Đôn, lại chép na-nà chuyện trên — nghĩa là câu chuyện Vương An-Thạch.

Có khác, chỉ khác ở đoạn ông thầy học không đem chôn Lê Quý-Đôn ở chuồng lợn như trong chuyện Vương An-Thạch, mà đem ra chôn ngoài đồng.

Râu ông nọ, cầm cầm bà kia ! Đó là công việc của những ngọn bút không thận-trọng !

Ông Nguyễn Nam-Thông, tác-giả mấy bộ *Trang-quốc duy tân*, *Trung hoa Dân-quốc*, đáng lẽ không nên câu-thả như thế.

Chúng tôi mong rằng một bức đại văn-hào như Lê Quý-Đôn, đã viết được trên ba mươi bộ sách giá-trị, phải được các ngôi bút cận-kim đặc-biệt đề ý và sưu-tầm tài-liệu cho xác-đắn, trước khi muốn biên-tập về cụ Lê Quế-Đường.

Quyển *Trạng hui* của Nguyễn Nam-Thông, biên-tập về cụ Lê, chỉ là một đồng giấy vụn.

Vì ngoài sự đề-tài tư-liên chẳng xác-đắn, nó còn không có phép-tác chi cả.

Lỗi của nó là lỗi chép danh nhân truyện ký (biographie) mà tác-giả nó, ông Nguyễn Nam-Thông, lại áp dụng lối viết tiểu thuyết. Nhều đoạn tiêu-thuết-hóa của ông đề-độc-giả thấy rõ sự muốn kéo dài lối-thời của ông, chớ tự kỳ trung chẳng bỏ-ích cho câu chuyện

về Lê Quý-Đôn gì cả.

Quyển *Trạng hui* của ông không đáng đem nói lên mặt giấy. Nhưng sự quá khinh thường độc-giả của ông bắt-buộc chúng tôi không được phép bỏ qua.

KIỀU THANH QUẾ

1) T. T. số 31 đã có bài nói đến cuốn sách này. Xin các bạn coi lại.

Ông Võ Huy-Tấn

Tiếp theo trang 5

THU CẦM

(Bài thứ 22)

*Tiểu sắt tam thu, cầm nhất trương :
Sổ xoang thế uyển phủ tiêu lương.
Cao sơn, lưu thủy nan tương thức !
Điều bãi, không đình, nguyệt ảnh trường...*

DỊCH

*Đàn cầm một cây, ba thu quanh !
Géo-giắt vài xoang, đêm lạnh lòng ..
« Nước chảy, non cao », ai kẻ biết !
Tiếng im, sản dãi bóng giăng trong...*

(Còn một kỳ nữa)

HOA BẮNG

1) Xin coi thêm bài *Đằng-vương các* trong *Tri-Tân* số 8, trang 7.

2. 3) Muốn giữ cho văn dịch được tự-nhiên mà đúng tinh thần của nguyên-văn, nên hai câu này tôi không chịu bó-buộc theo *niệm*.

Kỳ sau :

Bình-luận và vịnh Trưng-vương

DƯƠNG BÁ-TRẠC

Thân-thế và sự-nghịệp hai bà Trưng

khảo-cứu của TIÊN-ĐÀM

Dâng hương miếu Hát

du ký của HOA-BẮNG

Bài bia ở đền Đồng-nhân

SONG CỔ

Phê-bình

« TỪ HANOI ĐẾN LA COURTINE » của ông Phạm - duy - Khiêm

Hội-Thống viết

Dans toute l'Inde, il n'y a personne d'aussi seul que moi !
(Kipling Kim)

THÁNG 9 năm 1939. Dời trời Âu, binh lửa lại một phen nổi dậy ! Sau khi các cuộc điều-dinh về ngoại-giao thất-bại, tểng phi-cơ, đại-bác, đã lấn át cả những lời giảng dạy nghiêm chỉnh chốn học-đường. Bên Pháp, biết bao thanh-niên ra tòng quân, để giữ gìn cho đất nước, coi cái chết nhẹ như lông hồng. Nhưng « cớ gì chinh chiến kỷ nhân hồi » ? Hàng nghìn tráng-sĩ anh dũng, trí tuệ có thừa, — tinh hoa của nòi giống — quyết trí ra đi, trên vì nước, dưới vì nhà, đến ngày về, hỏi còn được bao nhiêu ? Da ngựa bọc thây, đại đa số đã phơi mình trên chiến địa, vinh-dự chết vì Tổ-quốc.

Nam-Liên, một thanh-niên trí-thức Việt-nam, tình nguyện sang Pháp tòng quân, cũng đã chịu chung một số phận ấy. Rời Hanoi ra đi mùa thu năm 1939 để không bao giờ trở lại, vì sau ngày 12 Juin 1940, chàng đã « biệt-tích » trong một trận giao-tranh trên bờ sông Loire. — « Phong tiêu tiêu hề Dịch-thủy hàn ! Tráng-sĩ nhất khứ hề bất phục hoàn ! »...

Tốt số hơn Nam - Liên. ông Phạm-duy-Khiêm, giáo sư thạc-sĩ, cũng tình nguyện sa g Ph p tòng quân, đã trở về nước cuối năm 1941. Dọ dọ chúng ta mới

có cái may-mắn được đọc quyền « *De Hanoi à La Courtine* » mới xuất bản gần đây. Ông Phạm-duy-Khiêm đã có công sưu-tập và công bố những bức thư của Nam-Liên, lúc vượt bèo, khi ở trong quân thứ, gửi cho các bạn hữu xa gần, « không đòi một dòng, không thêm một chữ », từ ngày khởi-hành cho đến trước khi « mất tích » miền sông Loire.

Thật là một tài-liệu vô-giá về tâm-lý. Những bức thư ngắn-ngắn, lời lẽ giản-dị nhưng thâm-trầm, một đôi khi lại chua chát, đã cho chúng ta thấy một tâm-hồn cao - thượng, thành - thực, không ham danh, chuộng lợi, biết coi thường những dư-luận châm-biếm.

Sách chia làm ba phần :

I) Những nỗi dọc đường (Từ Hanoi đến Carcassonne), không có gì đáng kể.

II) Mùa đông và mùa xuân ở Sète. Những bức thư ở đoạn này có lẽ lý-thú và bồi-ích hơn cả. Nam-Liên tả rõ những đoạn trường « đi lính » Gác bút nghiên theo việc kiếm cung nó cũng có khác thật ! Nhưng lâu dần chàng cũng quen ; tuy rét mướt giữa trời đông tháng giá vẫn phải tập tành, tuy nhọc mệt, mà Nam-Liên vẫn giữ được tinh-thần thư-thái, và lấy làm sung sướng.

Một đôi khi cũng có nghĩ đến chút mẹ già, nhưng chỉ thoáng qua... Còn những đồng bào thì Nam-Liên quên đã từ lâu rồi ; có lẽ vì những tâm hồn thiện cận ấy đã không hiểu rõ ý-nghĩa sự hy-sinh của chàng chăng ?

III) Học lớp sĩ quan ở La Courtine — Sau một kỳ thi, Nam-Liên được lên học lớp sĩ quan ở La Courtine ; nhưng vừa được một tháng năm ngày (7 mai — 12 juin 1940) thì chàng mất tích sau khi dự một cuộc giao tranh trên bờ sông Loire.

Tại làm sao Nam-Liên lại tình nguyện sang Pháp tòng chinh ? Không phải là chàng đi để tìm cái chết đâu (vì một nỗi buồn u-ẩn gì chẳng hạn). Chàng đã có cái ý-định ấy từ lâu rồi ; nếu năm 1939 không có hội - nghị Munich, thì chàng đã lên đường sang Pháp từ ngày ấy, Sở - dĩ ra đi, là vì Nam - Liên

Mới xuất bản

MANUEL

de

CONVERSATION
en français et Annamite

của

MÊ DƯƠNG

Cựu giáo viên

⊙

Sách dạy nói chuyện tiếng Pháp cốt dùng cho người Nam học nói chuyện tiếng Pháp hay những người ngoại quốc biết tiếng Pháp học nói truyện tiếng

———— Nam ————

⊙

Đủ các câu cần biết của hầu khắp các nhân vật trong các giới

⊙

G á 0 20 cuốn thường 0p 06 gửi
đang tem (cò) cũng được cho hiện

ĐÔNG-TÂY

195 phố hàng Bông Hanoi

có tâm-hồn một bọc quân-tử : thấy một cuộc chiến đấu lớn lao (grande aventure) thì lấy tư-cách là một người trên hoàn vũ, không phân-biệt màu da, muốn tham dự vào. Chỉ có thể thôi ; không có hy-vọng gì, không chờ đợi gì, và cũng không suy tính thiệt hơn gì. Khi nhà hàng xóm phát hỏa, thì bôn-phận ta là phải giúp-dỡ ; người quân tử không khi nào lại hỏi rằng : « Tôi giúp ông thùng nước, nếu đẹp được cháy, thì ông sẽ cho tôi cái gì ? »

Nưng nếu ta xét đến những nguyên-nhân tâm-lý sâu xa, thì ta sẽ thấy rằng : Nam-Liên chán cái đời an-nhàn, trưởng-giã, ngày lại ngày, không có chút gì mới lạ. Chán cả cái tỉnh thiên cận như một cái làng nhỏ ; chán cái vai trò « ông Liên » sống với các vai trò khác. Vậy là hoàn-cảnh đã có một phần không phải là nhỏ trong cái — ý-định của Nam Liên. — Lại nữa, Nam Liên chưa có tiền gia-đình ; mồ côi cha, chỉ còn một chút mẹ già, nên lúc rút áo ra đi, không lâm vào cái cảnh « nhi nữ tinh trường, anh hùng khí đoản ». Nam - Liên lại là người đa sầu, đa cảm : cũng như tác-giả, chàng đã sang Pháp du học hồi mười hai năm về trước. Bao nhiêu kỷ-niệm xa xôi êm - đềm, tươi sáng, vụt sống lại trong trí óc chàng những ngày cùng bè bạn Pháp giòng-ruồi xe

đạp trên đường trường, thăm các thắng cảnh, những tối dưới bong đèn, cùng ai đó chung một tập ảnh, những vụ hè trong trẻo, dưới bầu trời xanh thẳm, bên cạnh những trẻ ríu rít như chim hót, trong những gia đình pháp đã coi chàng như con đẻ, bấy nhiêu mỗi giây vô hình thiêng-liêng đó, đã khiến cho Nam Liên quyết chí sang Pháp lần nữa ; vì cùng nhau đã sống những ngày vui sáng thì cũng phải cùng nhau chịu những ngày nghiêm trọng ; chia ngọt sẻ bùi thế tất cũng nên chia cay sẻ đắng. Vả lại, « cái ơn tâm tình trong một phút » có lẽ « nặng hơn nợ cơm áo mấy nghìn năm » (Đàm quang Thiện). Cho nên bảo rằng :... « Cùng nhau chua, ngọt đã từng, gừng cay, muối mặn, xin đừng phụ nhau », cũng không phải là quá đáng vậy.

Dẫu sao, Nam Liên cũng đã làm một việc rất có ý nghĩa, và có ảnh hưởng sâu xa tốt đẹp trong đám thanh niên trí thức việt-nam nêu cao cái gương hi-sinh cho một lý tưởng thiêng-liêng. Nam-Liên tuy đã chết, nhưng cái tiếng thơm còn mãi với non sông : « mệnh ấy yếu mà danh ấy thọ ». Ông Phạm duy-Khiêm đã xuất-bản một quyển sách rất hợp thời đáng khen, đáng chiếm một địa-vị khá quan trọng văn-chương Pháp.

HỘI-THÔNG

Chuyện thủ ngày xuân

CỤ TÂN VỚI CỤ TRỨ

CỤ Nguyễn Công-Trứ, một nhà chính-trị kiêm thi-bá, nhân mới sinh được một cậu con trai, lại gặp ngày xuân, có thết một tiệc rượu mừng vui. Ngoài các bạn đồng liêu, cụ có mời cả cụ Trần đình-Tân nữa.

Chén rượu đã ngà-ngà say, cụ Tân lên vào phòng văn cụ Trứ, cầm bút ngoạch trên tờ giấy hoa tiên mấy giòng chữ nôm này :

Mừng ông sanh được cậu con
gái,
Thực giống con nhà chẳng
giống ai.
Mong cho chóng nhớn mà đi
cướp...

Chỉ viết có 3 câu thế rồi cụ thôi, ngã luôn vào cái sập kê liền đó ngủ một giấc đến sáng...

Sáng hôm sau, cụ Trứ vào buồng gậy, thấy nét chữ, đoán biết là cụ Tân, lồm lồm, liền hỏi đùa :

— Huynh ông muốn thằng con tôi đi ăn cướp ư ?

Cụ Tân cười đọc thêm :

Cướp lấy khối nguyên kèo
nữa hoai,

Rồi cả hai cụ cùng cười, mà rồi be rượu này tiếp theo be rượu khác..

KHÁI-SINH

RƯỢU

Dubouquina
Le Bateau
Cam Xá-Doài
Ngũ - gia - Bì

(Alcools médicamenteaux)

Chế bằng quinquina, jentiane và quả tươi.

Hiệu Ngọc-Hương 48 Sinh-từ Hanoi

Tổng phát hành Bắc-kỳ.

Nhà chế tạo : Đào-Viên 117 Maréchal Foch Vinh.

Có thể kết luận : Nguyễn Trí-Bảo là một người có tinh-thần hi-sinh, quên mình, (có khi đeo một cái áo đến hàng mười năm), biết phục thiện (khi chữa vỡ lẽ tử sinh, tức thì ông chịu hạ mình đi học thêm ngay) và khiêm-nhường. Cái óc thực hành đã giúp ông làm được nhiều việc xã-hội có tinh-cách từ-thiện. Cái tư-tưởng tri túc của ông có thể dắt loài người vào con đường hòa bình nếu người đời nghe theo.

Ông mất ngày 14, tháng 4, khoảng năm Thiên-tư gia-thụy (1186-1201) đời vua Lý Cao-Tông (1176-1210). Cái tháp Sơn-môn tức là nơi yên-ngỉ ngàn thu của nhà học-giả khổ-tu đó.

TIẾT HAI MƯƠI

PHẠM THƯỜNG-CHIẾU (?-1203)

Dưới trào vua Lý Cao-Tông (1176-1210), ông Thường-Chiếu, họ Phạm, người Phù-ninh (Phú-thọ) làm chức đô-lão.

Chấn mùi công-danh, ông gửi mình của Phật.

Dưới mái chùa cỏ ở Ông-mạc phường, ông vui-vẻ tuyên-đương tôn-chỉ nhà Thiền, kéo được môn-dồ ngày đến đông lắm.

Trong cách lập-giáo, ông chú-trọng về thuyết « liễu tâm », nghĩa là giữ lòng cho sạch, không bợn chút gì. Ông thường bảo đệ-tử : « Sạch lòng mà tu đạo thì đỡ tốn sức và dễ thành công ; bằng tu đạo mà không sạch lòng thì tốn công và vô-ích. »

Suốt đời đi trên con đường đạo học, ông có đặt cái đích

làm nơi cứu-cánh : không thấy cái bản-ngã và cái chúng-sinh, tức là không có con mắt phân-biệt mình và người, đến được bậc « vô nhân tướng, vô ngã tướng, vô chúng-sinh tướng... »

Ông là người có trí phán-đoán : học, nhưng không nhắm mắt theo sách ! Khi ông sắp tịch, Thần-Nghi, đệ-tử ông, có hỏi ông về chuyện Đạt-Ma(1) tránh được cái chết, vì người ta mở quan-lai, chỉ thấy chiếc giày sót lại, còn chân-thân Đạt-Ma thì sang Tây-phương. Nhưng ông cho thể là chuyện một chó cắn bóng, đàn chó xù theo.

Ông có làm được một sách nhan là « Nam Tông Tự-Pháp Đở ». (2)

Ngày 24, tháng 9, năm Thiên-gia Bảo-hựu thứ 2 (cuối Octobre 1203), khi sắp mất, ông có làm bài này để từ-giã môn-dồ :

*Đạo bản vô nhân sắc,
Tân tiến nhật nhật khoa.
Đại thiên sa giới (3) ngoại,
Hà xứ bất vi gia ?*

Dịch

*Đạo vốn không nhân-sắc,
Ngày phôi mới, đẹp ra.
Ngoài biết bao thế-giới,
Đâu đâu chẳng phải nhà ?*

(Tham khảo : Thiền Uyển Tập Anh, thiền biên thứ 2, đời thứ 12 ; Lịch Triều Hiến Chương quyển 45 ; BEFEO trang 139, số 141, 142 ; v. v.).

TIẾT HAI MƯƠI MỐT

CHU HẢI-NGUNG (? — 1207)

Người làng Giang-mã, Hải-Ngung lọt lòng đã thấy cảnh hàn-vi : hoàn-toàn là một trẻ nghèo khó. Những thì-giờ lúc bé để cả vào việc học nho.

Tính-nết thuần-cần, tin thực,

THỦ VIẾT

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

hồi 26 tuổi, ông bắt đầu bước vào cửa Thiền.

Miền Lăng-sơn là cảnh hẻo-lánh, tịch mịch, ông vào đó học sư Bảo-Giác trong 7 năm trường.

Trong thời-kỳ đó, ông đã trở nên một người thông cả nho-thích.

Sau khi được thừa-hưởng pháp-cụ của Bảo-Giác, ông có đi đây đó để giáo-hóa mọi người. Rồi trụ-trì ở chùa Quốc-thanh núi Bi-linh thuộc Nghệ-an, pháp-hiệu là Tịch-Giới. Phạm-Tu, châu-mục ở đó, tỏ lòng kính-trọng ông lắm.

Dưới những giọt mưa đạo-pháp của ông, nhiều người môn-dồ được thấm nhuần mát-mẻ.

Ngày 7, tháng 7, năm Trĩ-bình long-ưng thứ 3 (1207), khi sắp bước sang thế-giới khác, ông có làm một bài thơ bốn câu bảy chữ bằng hán-văn, đại ý nói : Lúc này luận-thuyết về đạo thì ít tri-âm lắm ! Chỉ vì như thế, nên đạo mới mất ở trong lòng người ta ! Mấy ai được như Chung-Kỳ là người thâm âm, thoát nghe tiếng đàn của Ba-Nha đã biết ngay là chỉ người gảy đàn ở khoảng non cao hay ở nơi nước chảy.

Chắc ông là một người có tài mẫn-tiếp như Tào Tử-Kiến (tên tự của Tào Thục), nhưng không muốn vương chân vào

vòng bó-buộc, nên giả làm mặt si-độn, ẩn ở cửa Thiền để giữ lấy cái thiên-chân cho tinh-thần được thỏa-thuê tự-sướng.

Đây, bài này của ông làm chứng cho lời tôi nói đó :

*Thu lai, lương khí sáng hung-khâm,
Bát đầu tài (4) cao đối nguyệt ngâm.
Kham tiểu thiền gia si-độn khách :
Vị tương hà ngữ dĩ truyền tâm ?*

Dịch

*Thu đến, hơi thanh quạt mát lòng,
Người tài ngâm vầng dưới trăng trong !
Nực cười : cửa Phật, mình si-ngốc,
Lời nói truyền tâm biết có không ?*

TIẾT HAI MƯƠI HAI LÊ LỊCH

Lúc trẻ, ông lẫn-lóc trường-ốc, đỗ lên một cái, được làm chức cung-hậu ở Lý triều. Năm 27 tuổi, sau một cơn giác-ngộ bởi nghe sư Giới-Không giảng kinh Kim-cương, ông xoay theo Phật-giáo.

Trụ ở núi Từ-sơn, ngày đọc kinh, đêm nhập định, ông khổ hạnh tinh tu trong sáu năm.

Nhờ tay ông, số người được dắt đến đường thiện không biết bao nhiêu mà kể.

Đứng vững trên địa-vị thanh cao, ông không chịu đáp theo

tiếng gọi của hai trào Anh-tông và Cao-tông nhà Lý.

Thái-uy Tô Hiến-Thành và Thái-bảo Ngô Hòa-Nghĩa, đối với ông, đều giữ lễ đệ-tử, nhưng 10 năm vẫn chưa được gặp mặt ! Một hôm, gặp nhau, ông vui mừng quá, có làm bài này đưa bảo ông Tô và ông Ngô :

Ký hoài xuất tổ dưỡng hung trung,

Văn thuyết vi ngôn, ý dẫn tông.

Tham dục truat trừ thiên lý ngoại,

Hí di (5) chí lý nhật bao dung.

Dịch

*Muốn theo chay tịnh để nuôi lòng,
Mầu nhiệm nghe lời, hãy dẫn tông.
Nghìn dăm quang xa tham với muốn,
Huyền vi lẽ ấy ngày bao dung.*

Liền đó ông lại làm một bài thơ tứ ngôn cổ thể đọc cho Tô, Ngô nghe, đại ý ông nói mình cốt giữ lấy vẻ đạm-bạc, chăm lo tu đức, phá bỏ cái mờ tối, không kỳ-thị mình và người, không mắc vào sắc tướng. Thế rồi ông đi... đi sang thế-giới khác.

TIẾT HAI MƯƠI BA

NGUYỄN Y-SƠN (? — 1213)

Phong tư đẹp, biện-thuyết giỏi, ông người làng Cầm-hương, thuộc Nghệ an. Lúc trẻ, ông đã lăm-bõm học qua cả thư, sử. Trong chỗ giao-du, ông biết chọn bạn và chơi tuyền với những người có ích. Đối với kinh điển nhà Phật, ông lại để ý hơn.

Hồi 30 tuổi, ông xuất gia, rồi lên kinh-dô, tham đạo nơi Viên-Thông thiền-sư. Trong khi nói chuyện, ông lĩnh-hội được yếu-

Thống-chế PÉTAIN đã nói:

« Bản chức không muốn có những người theo quốc gia cách-mệnh mà vẫn nuôi trong lòng một sự ích kỷ tham lam hay câu-nệ biếng nhác. Ai muốn hợp tác với bản chức thì nên biết rằng ta chỉ làm một việc bổn phận mà phần thưởng là sự đặc ý của kẻ trượng phu đã góp gạch mang đá để dựng lại nước Pháp ».

chỉ của Phật-giáo. Sau ông đi mọi chỗ, tùy cách mà mở-mang, khuyên-bảo người ta. Chỉ cốt theo đuổi cái mục-dịch : duy-tha.

còn nữa

HOA-BẰNG

1. Đạt-Ma là người Thiên-trúc. Lương-Vũ-Đế đón đến Kim-lăng để bàn-luận về Phật-lý. Sau đó Đạt-Ma sang Ngụy, trụ ở chùa Thiếu-lâm trên núi Tung-sơn. Ông là đệ nhất tổ trong Thiền-tông.

2. Trong Lịch Triều Hiến-Chương quyển 45 chép sách đó có tựa của Trạng-nguyên Lương-Thế-Vinh (đỗ năm Quang-thuận thứ tư, 1463. Col Đăng-Khoa-Lục quyển 1, tờ 10 b). Lại nói Thường-Chiếu có làm được quyển Thích Đạo Giáo Khoa ; song T. U. T. A. không hề nói tới.

3. Theo Phật-học, thế-giới mà ta ở ngày nay là ba nghìn thế-giới : hợp một nghìn lại thì là nghìn thế-giới nhỏ, hợp một nghìn tiền thiên thế-giới thì là trung thiên thế-giới, lại hợp một nghìn trung thiên thế-giới thì là đại thiên thế-giới. Ý nói thế-giới là nơi vô lượng, vô biên, không thể lường nghĩ được. Đây nói « đại thiên thế-giới » nhiều như hạt cát.

4. Bát đầu tài là một thành-ngữ chỉ về tài làm thơ. Nguyên Tả-Linh-Vận có nói rằng : « Tài trong thiên-hạ có một học, Tào Tử-Kiến riêng chiếm 8 đầu, tôi được 1 đầu, còn đầu thiên-hạ cùng chia nhau ».

5. Cái gì trông không thấy thì gọi là hí ; cái gì nghe không thấy thì gọi là di.

NHÌN QUA VĂN - HỌC VIỆT - NAM NĂM 1941

Số 4

LÊ-THANH

Thơ

GIÔNG NƯỚC NGƯỢC II của Tú-Mơ

Sau bao nhiêu ngày lâu vắng
tếng trong làng vắng, làng báo, vừa
rồi ta mới lại thấy ông Tú-mơ với
tập thơ trào phúng *Giông nước
ngược* của ông.

Cũng như tập trước xuất-bản
vào năm 1934, tập này có một giá
trị không ai chối cãi được.

Tự ông, ông đã là một bài thơ
trào phúng :

« Tú-Mơ nghe tên rõ chán-phê
« Làm thiên hạ tưởng béo sù ghê
« Chẳng thua cụ Y lườn nung núc
« Cũng hết ông Vâm bụng lặc lè.

Mà hóa người thon như cái nhái
Te ra mình xác tựa con ve
Đôi hàng sườn sụn da căng sát
Hai hũm quai xanh nước đỏ be

Mầu mỡ vì chưng ra cả bút
Thân hình nên mới ngẩng như que
Tá này béo mép, người không béo
Há phải như ai tưởng lợn sề.

(Mỡ .. mà chẳng mỡ)

Cho đến những người xung quanh
ông, bác phán, ông tham, người
quen kẻ lạ... những việc xảy ra
xung quanh ông, việc gia đình,
việc xã-hội, việc trước việc sau...

Tất cả cái gì của có thể là đối
tượng để ông cười và làm cho người
ta cười

Những bài nho nhỏ trình bày
những « lớp tuồng » nho nhỏ hợp
lại thành một vở kịch đời đầy ý-vị.

Sau khi Tú-Xương qua đời, gần
bốn mươi năm, nay ta mới lại có
một nhà thơ như Tú-Mơ và một
tập thơ như *Giông nước ngược*,
một tập thơ mà nhà văn học sử
ta sau này không thể bỏ qua
được (1).

Những tập khác :

BỨC TRANH QUÊ của Cô Anh Thơ

THƠ SAY của Vũ Hoàng-Chương
MẤY VẦN THƠ (tập mới)

của Thế-lữ

Giáo-dục

MỘT NỀN GIÁO-DỤC

VIỆT NAM MỚI của Thái - Phi

Có lẽ là cuốn sách được người ta
nói đến nhiều nhất trong năm vừa
rồi. Không mấy tờ báo là không
nói đến đề mà khen.

Nhắc lại những lời khen ấy ở
đây không phải là phận-sự của tôi,
một người đã từng gần ông Thái-
Phi, đã « từng trông thấy sự
hi sinh của ông cho ông cuộc giáo-
dục nhi-đồng » đã từng, ngay từ
khi những tư tưởng về nền giáo-
dục hiện thời của ông còn bị đem
ra chế riễu, hi-vọng một ngày kia
người ta sẽ hiểu những tư-tưởng
của ông hơn.

Tôi chỉ dám, nhân lúc tinh lại
sở văn học, ghi tên cuốn sách lên
bảng danh dự bên những cuốn sách
quý nhất của năm văn học vừa qua.

Kịch

MƠ HOA của Đoàn Phú-Tứ NHỮNG CUỘC KỶ NIỆM VĂN-HỌC

Dở cuốn lịch nhỏ của tôi dùng
tôi thấy năm vừa qua, được ghi
mấy cuộc kỷ niệm những người có
công với văn-học nước nhà :

« Từ buổi chiều hôm thứ năm 29
Mai 1941 Hanoi đất nghìn năm văn-
vật ta thêm ra một nơi có quan - hệ
về lịch-sử văn - hóa Việt - nam mà
người đời nay nên đến chiêm-
ngưỡng và người đời sau sẽ đến
bằng-diệu, ấy là bia đá kỷ-niệm cố
Alexandre de Rhodes, người có công-
nghiệp lớn trong việc sáng tạo ra
chữ quốc-ngữ ta... Đừng trước bia
ấy tất cả dân tộc Việt-nam nên cúi
đầu tỏ lòng biết ơn ».

Trên đây là mấy lời tôi trích
trong một bài tường-thuyết lễ kỷ-
niệm Alexandre de Rhodes. Mấy lời
thành-thực ấy có thể thốt ra ở bất

cứ người nào, đủ tỏ rằng người
minh, tuy có cái bề ngoài lạnh lùng
nhưng không đến nỗi thờ ơ đối với
những người đã có công xây thêm
cho cái lâu đài văn hóa của ta
được ít nhiều.

Ở bờ hồ Hoàn kiếm nơi còn lại
bao nhiêu dấu tích của lịch sử,
trong một khung cảnh rất dẫn dụ. A
de Rhodes đã được ghi tên trên một
tấm bia, bằng những nét vàng : Một
mặt bằng chữ Pháp, một mặt bằng
chữ hho và quốc ngữ.

Đức A-Lịch-sơn Đắc-Lộ

« Sinh ở A-vi-nhông ngày 15 tháng
ba năm 1591 xuất-gia tu vào Dòng
tên (Gia-tô-Hội) năm 1612. Đi từ
thành Lit-sơ-bon sang ấn-độ ngày
29 tháng năm năm 1693. Cốt sang
truyền giáo ở Nhật-bản, nhưng vì
hồi bấy giờ xứ này cấm truyền giáo,
nên lại được ủy sang Việt - Nam.
Trong khoảng từ năm 1624 đến năm
1646, khi lưu ở trong Nam thuộc về
chúa Nguyễn, lúc ở ngoài bắc dưới
quyền chúa Trịnh có hai lần ở kẻ-
chợ là Hà-nội bấy giờ (1627 - 1630).

Người truyền giáo có kết-quả lớn
lao, sau muốn bảo tồn cái kết quả
ấy và muốn dùng nền thánh giáo
chắc-chắn cho giáo đồ Việt - nam,
Người được phép tòa - thánh cho
đặt các chức giám-mục chọn toàn
người Pháp (1652)

Khi phải dời bỏ xứ Việt - Nam,
người lấy làm tức, nên có nói rằng :
« Phần xác ta dời bỏ đất Nam, với
đất Bắc, nhưng thực ra lòng ta vẫn
quyến-luyến, nói cho đúng, vẫn bàn
hoàn với cả hai nơi, và ta chắc
rằng không bao giờ lòng ta lại quên
được hai xứ ấy... »

Sau người được cử sang nước
Ba-Tư, người mất ở Ích - ba - han
ngày 16 tháng một năm 1660, hưởng
thọ bảy mươi tuổi.

Người soạn ra nhiều truyện - kí
đều diễn dịch ra mấy thứ tiếng và

người đã xuất bản được quyền sách Bồn và quyền Tự-vị tiếng Việt-Nam, tiếng Bồ-đào-Nha và tiếng La-tinh — là những sách bằng tiếng Việt-Nam dịch âm theo chữ La-tinh xuất-bản trước tiên — nên tên người cùng lưu-truyền với cái công-nghiệp phát minh ra chữ Quốc-ngữ. » (lời bìa)

Chiều hôm ấy, lễ khánh - thành bia kỷ niệm nói trên đã cử - hành một cách long-trọng.

Sau mấy bài diễn-văn, học - sinh nam, nữ các trường công, tư lần-lượt diễu qua trước tấm bia... Cảm-động nhất là khi các trò nhỏ của Hội Truyền - Bá - Quốc Ngữ đi lên trong những bộ quần áo tui sạch-sẽ nhưng những miếng vá không che hết nỗi nghèo nàn.

Thật đã sùng đáng với một người trong những người đầu tiên đã đem truyền bá chữ quốc-ngữ, một người có công với văn hóa Việt-Nam.

Ngoài ra, trong năm, ta được dự

mấy cuộc kỷ niệm những người gần hơn cũng có công với nền văn chương Việt nam : Mồng mười tháng tám, hội Khai-tri T ến-đức tổ chức cuộc kỷ niệm nhà thơ bất hủ Nguyễn Du ; ở Nha trang hội Cercle Annamite diễn thuyết về thi sĩ Hàn Mặc-Tử đề kỷ niệm cái đêm ấy năm ngoai, nhà thi sĩ trẻ tuổi qua đời ; ngày 20 tháng tư hai nhà xuất bản lớn ở Hanoi và một hội ở Bắc-kỳ tổ chức cuộc diễn thuyết về thi sĩ Tản Đà...

Nhưng những buổi tôi đi nghe diễn thuyết, tôi tự hỏi chẳng nhẽ văn chương ta lại chỉ có bấy nhiêu ngày đáng kỷ niệm, tôi nghĩ đến những nhà thơ, nhà văn khác...

Mỗi lần tôi đi ngang ngắm cái bi-đình nguy nga ở bờ hồ, tôi không khỏi cung kính tưởng nhớ đến một người khác cũng có công với

nền văn hóa ta, người đã đặt ra chữ nôm, tiếng đã sinh ra quốc ngữ của ta bây giờ.

Trong thâm tâm tôi ước ao một ngày kia ở dân đây cũng trong một khung cảnh như vậy, chúng ta có một đài kỷ niệm, một tấm bia trên dưới khắc mấy chữ vàng chói lọi : Hàn Thuyên, người đặt ra thơ phú nôm.

Và tôi tưởng sẵn có lòng sùng bái danh nhân những ngày kỷ niệm về các bậc công thần và đài kỷ niệm tôi mơ tưởng không bao lâu nữa ta sẽ được thay.

(Còn nữa)

LÊ THANH

1) Về nhà thơ Tú-Mỡ, đón đọc tập Phê bình đang soạn. I. T.

Những thiên giai-lác xưa nay để vịnh về Trưng-vương sẽ gặp nhau trong số tới.

VIỆT-NAM VĂN-HỌC

do NGÔ TẤT-TỔ chủ trương

1. Lý triều văn học
2. Trần triều văn học I
3. Trần triều văn học II
4. Lê triều văn học I
5. Lê triều văn học II
6. Nguyễn triều văn học

Dày tất cả ngót 2000 trang in làm 2 hạng.

Loại giấy thường bán từ 6 p. 00 trở lên.

Loại đặc biệt — 20 p. 00 trở lên.
thêm cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng janvier 1942 phải trả:

Loại giấy thường 4 p. 00 } cả tiền cước gửi.
Loại đặc biệt 12 p. 00 }

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Février 1942 phải trả:

Loại giấy thường 5 p. 00 } cả tiền cước gửi.
Loại đặc biệt 15 p. 00 }

Ngài nào muốn coi một cuốn đầu xin gửi:

Loại giấy thường 1 p. 00 } cả tiền cước.
Loại đặc biệt 3 p. 00 }

Nhà in MAI-LINH Hanoi xuất bản

VIỆT-NAM DƯỢC-HỌC

in làm 12 cuốn

mỗi cuốn nói về 10 cây thuốc khác nhau dày trên dưới 3000 trang khổ 12x19, in làm 2 hạng ;

Loại giấy thường bán từ : 10p 00 trở lên

Loại giấy đặc biệt bán từ : 30p.00 trở lên

thêm 2p 00 cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng janvier 1942 phải trả.

Loại giấy thường 7p.0 } tiền cước gửi
Loại đặc biệt 12p 00 }

Ngài nào mua trả tiền trước trong tháng Février 1942 phải trả.

Loại giấy thường 7p.00 } và thêm 1p.92
Loại đặc biệt 12p.00 } tiền cước gửi

Ngài nào muốn coi một cuốn xin gửi.

Loại giấy thường 1p 00 } cả tiền cước
Loại đặc biệt 3p 00 }

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho :

Nhà in Mai-Linh Hanoi

là nhà đã nhận xuất bản

các sách thuốc của hội Y-học Trung - kỳ

Giai thoại trên đàn văn

VAY TIỀN, TRẢ CHỮ

ÔNG nghè Tân (1), một ngày gần tết, túng quá, đi hết bạn này đến bạn khác, không vay được tiền! Sau cùng hết kế, ông phải đến nhà một tay cự-phú ở Hải-dương để vay.

Nhà cự-phú biết ông là người hay chữ và hay trên ghẹo các quan, cũng nể nhời cho vay, nhưng bắt ông làm văn-tự.

Sau khi ký giấy giao tiền, ông Tân định ra về. Nhà chủ nhân sắp tết, nài ông viết cho mấy chữ dán cổng trong buồng và nhà bếp.

Ông Tân bực mình vì còn lo đi sắm tết, bắt đầu dĩ bảo mang bút giấy ra, rồi không nghĩ ngợi gì ông đề ngay cho mấy chữ. Gián cổng ông viết: «*Đông tây tứ chí*» (2). Buồng ngủ ông viết: «*Tinh thể đẳng*» (3) và, nhà bếp, ông đề: «*Vi chiều dụng giả*» (4).

Nhà chủ thấy chữ tốt, nên cứ đem ra dán các nơi.

Rồi trong mấy ngày tết ai, đi qua cổng vào chơi nhà cũng không khỏi tức cười về mấy chữ ấy.

TIỀN-ĐÀM thuật

theo nhời một vị lão-nho

1) Coi thêm bài *Sự thực về ông nghè Tân*, T. T. số 30

2, 3, 4 Chữ ở trong lòng văn-tự vay nợ và tận nhà tận ruộng: «*Đông tây tứ chí*»: Bốn bề giáp-giới của nhà đất. «*Tinh thể đẳng*»: cùng với vợ. «*Vi chiều dụng giả*»: theo đây mà dùng.

Hộp thư

Cùng ông T. S., Vinh-Yên

Trong bài «*Trên ao thơ Bạch cư-Dì*» đăng ở Tri-Tân số 11, tôi có chưa mấy câu văn dịch bài *Ti-bà*

hành như đã dẫn ra đó là củ¹ Phương-đinh Nguyễn-Siêu, Đó là căn-cứ theo trong *Từ dân văn uyển* ra ngày 15 juin 1936 đã nói như vậy.

Nay ông T. S. nói trong thư đề ngày 5-2-42 rằng, hồi ông còn học ở nhà trường, có được một giáo-sư cho biết bản dịch bài *Ti-bà* ấy là của ông Phan huy-Vịnh ở Sài-sơn. Vậy mong ông T. S. hoặc các bạn đọc thân-yêu làm ơn cho biết chứng-cớ nếu bài ấy quả thật là của ông Phan huy-Vịnh. H.-B.

Tin văn hằng tuần

ĐÔNG-DƯƠNG

Bắt đầu từ 23 février tại trường Y-học Đông-dương sẽ khai giảng lớp dạy về bệnh ung thư. Các sinh-viên ở năm thứ sáu đều bắt buộc phải học lớp này. Các viên bác-sĩ và y-sĩ đều có thể xin theo học lớp này được.

Số người vào cửa Hội chợ được tới 30 vạn 6 nghìn, hơn hội chợ năm 1938 trên bảy vạn. Số thu được trên 10 vạn hai nghìn đồng.

Theo nghị-định ngày 14 février 1942, các trường tư thực đã khai giảng ít ra được hai năm và tổ ra là cần thiết và có kết quả đều có thể được trợ cấp.

Những trường tư-thực về ban trung-học, ban công-nghệ (trường dạy nghệ, trường kỹ-nghệ thực hành và các trường dạy nghệ riêng nói trong khoản hai nghị định ngày (30-12-41) đều được trợ cấp của ngân sách chung Đông-dương.

Những trường tư thực: về ban sơ học, sơ học công nghệ đều được trợ cấp ngân sách hàng xứ, hàng tỉnh hoặc của thành phố.

Theo như đạo sắc lệnh ngày 20 Mars 1940, chính phủ Đông-dương

Tin làng báo

«*Bao Mới*», tức tờ «*Trung Bắc Tân Văn*» xưa đổi tên lại, phải tự đình-bản, sau khi ra số chót ngày 28 Février 1942, vì có các vật liên dùng làm báo, nhất là giấy và chữ in đều khan cả. Tri-Tân rất lấy làm tiếc, từ nay, trong làng báo Bắc kỳ-vàng tiếng một bạn đồng nghiệp kỳ, cựu, và mong, có dịp, «*Bao Mới*» lại sẽ tục bản như thường.

«*Tin Lào*», tờ báo Việt-nam đầu tiên ở Ai-lao, đã ra số đầu vào ngày 15 Février 1942. Ngoài 8 trang khổ nhỏ viết bằng tiếng Nam, «*Tin Lào*» còn có 2 trang viết bằng tiếng Pháp nữa. Tri-Tân xin thành thực mừng và chúc bạn đồng nghiệp được gặp mọi sự may mắn trên đường ngôn-luận.

đã cho phát hành 10 triệu đồng bạc tiền giấy 1 hào, 2 hào và 5 hào. Nay chính-phủ cho tăng số giấy lên 20 triệu đồng vì lại mới phát hành cả tiền giấy 5 xu nữa.

Lễ tế Nam-giao năm nay sẽ cử hành vào 28-29 mars.

QUỐC-TẾ

Quân Nhật đã đổ bộ ba mặt ở Java và tràn sâu vào những nơi trọng yếu. Quân Hà-lan đã phá hủy các khu nhà máy lọc dầu ở 2 chỗ trong đảo.

5 sư-đoàn quân Tàu ở Diên-điện chừng không muốn đánh nữa. Trong 400 triệu dân Ấn-độ chỉ có 50 triệu theo Anh.

Định đánh úp đảo Wake của Nhật mới chiếm được tiểu hạm đội đồng minh bị hải quân Nhật đánh lui. Trong 3 trận giao chiến, đồng minh bị đắm 11 chiếc tuần dương và khu trục hạm, lại bị hủy 4 chiếc nữa. Hơn 460 phi-cơ Đồng minh ở Nam dương quần - đảo bị phá hủy. Quân Nhật đang bao vây Rangoon, kinh đô Diên điện.

Nhật đòi đại sứ ở Nga và cử thêm một vị đặc sứ nữa sang giúp việc vì tình-hình bang-giao Nhật, Nga có vẻ nghiêm trọng.

Thời đàm

ẤN-ĐỘ

NHẬT-NHAM

AN-ĐỘ là một doi đất địa-thế rất rộng, tại miền Nam-Á, chia làm hai khu-vực: xứ Hindoustan tức là nước Ấn-độ ngày nay và vùng Ấn-độ Chi-na gồm có các xứ Diến - điện, Thái - lan, Cao-mên, A-lao, Nam-kỳ, Bắc-kỳ, Trung-kỳ và eo-đất Mã-lai.

Giữa hai khu-vực, có sông Gange làm giới-hạn. Sông Gange là một con sông dài nhất châu Á (3100 cây số) phát-nguyên từ núi Hi-mã Lạp-bá chạy qua miền Bénarès và Patna, và một cánh đồng-bằng ruộng đất phì-nhiên, rồi chảy vào vịnh Bengale.

Dãy núi Hi-ma-lạp và với nhiều ngọn trùng trùng điệp điệp làm một bức tường-thanh ngăn cách nước Ấn-độ với xứ Tây-tạng nước Trung hoa về phía Bắc. Dưới chân núi Hi-mã-lạp-bá là nơi phát-nguyên của hai con sông Gange và Indus chạy qua nhiều thung-lũng rất sâu. Hai con sông này có rất nhiều chi-lưu, lại thêm sông Branamapoutra lai-bôi nên những cánh đồng-bằng phì-nhiên quanh miền lưu-vực.

Ngoài dãy núi Hi-mã-lạp-bá, nước Ấn-độ còn có nhiều núi non hiểm-trở như núi Vindhya, núi Ghâtes.

Miền trung-tam Ấn-độ là một cao-nguyên có nhiều hẻm-diêm-sơn tức là miền Deccan.

Khí-nậu Ấn-độ rất nóng, hàng năm có gió mùa chia làm hai mùa khô ráo và mùa mưa.

Ấn-độ sản-xuất gạo, ngũ cốc, hạt có dầu, hồ-tiến, bông, thuốc lá, chè, gỗ quý, các thứ kim khí, van van...

Mọi phần to Ấn-độ thuộc Anh-cat-loy cai-trị. Nước Pháp và nước Bồ-đào-nha cũng có nhiều căn-cứ trên đất Ấn-độ.

Ấn-độ của Anh gồm các tỉnh trực trị và nhiều vùng bảo-hộ như Hai-derabad, Mysore, Barodo v.v.v. Diện tích rộng 4764.000 cây số vuông

với 316 triệu người. Xứ Bontan và Népaul vẫn là hai miền độc lập chưa thuộc đế-quốc Anh.

Ấn-độ của Bồ-đào-nha gồm các đất-đai: Goa, Damao và Diu rộng 3807 cây số vuông và có 548 nghìn người.

Người Pháp cai-trị năm tỉnh Ấn-độ: Pondichéry, Chandernagor, Yanaon, Karikal và Mahé, diện-tích 513 cây số vuông với 277 nghìn dân.

Từ thượng cổ thời đại, người Aryas trên cao-nguyên Pamir (cao 5000 thước tây, làm giới-hạn giữa nước Nga và Á-phủ-hãn di-cư đến cao-nguyên Ba-tư và đến lưu-vực: sông Indus rồi chinh-phục dân Da-syons là Thổ-dân miền này. Từ đó bắt đầu thời-kỷ thứ nhất của lịch-sử Ấn-độ, rồi tiếp đến thời-đại Ma-la môn. Đạo Bà-la-môn rất phức-tạp, nên chẳng bao lâu dân-chúng thiên về Phật-giao, nhờ thế mà Phật-giao được toàn-thịnh vào thế-kỷ thứ IV trước Tây-lịch.

Hồi ấy, vua Ba-tư là Darius chiếm khu-vực giữa sông Indus và miền Paropamisus đặt quan cai-trị, và sáp-nhập vào đất Ba-tư.

Kế đến quân của vua Alexandre sang chinh-phục nước Ấn-độ, đặt Ấn-độ dưới quyền đô-hộ người Hi-lạp. Nhưng sau khi vua Alexandre băng-hà, vua xứ Syrie là Selencus công-nhận cho miền Tchanara Goupta được độc-lập.

Cuối thế-kỷ thứ I trước tây-lịch, nước Ấn-độ bị các bộ-lạc dân vùng bắc châu Á kéo xuống tàn-phá, chia làm nhiều nước nhỏ. Đến thế-kỷ thứ 7, Ấn-độ thuộc người Ả-rập bảo-hộ. Người Ả-rập cai-trị Ấn-độ tới thế-kỷ thứ 12 thì bị người Ả-phủ-hãn đánh đuổi. Đến thế-kỷ thứ 14, người Ả-phủ-hãn phải dời đất Ấn-độ trước sức mãnh-lệ của quân Mông

cổ từ phía bắc tràn xuống Người Mông-cổ làm vua nước Ấn-độ trong vòng ba thế-kỷ, rất chú-trọng đến việc ngoại-giao, nội-trị, ngoài thì giữ nguyên bờ cõi, trong thì đem cuộc thái-bình thịnh-trị gây mối hạnh-phúc cho dân-chúng.

Bắt đầu từ thế-kỷ thứ 15, người Bồ-đào-nha di-cư đến Ấn-độ, rồi dần dần người Hà-lan, người Pháp, người Anh cũng theo nhau đổ châu lên đất Ấn-độ.

Năm 1757, khởi cuộc binh-đao giữa Anh và Ấn-độ, một cuộc chiến-tranh khốc-hại kéo dài đúng một thế-kỷ cho mãi đến năm 1856 mới kết liễu.

Quân Anh phải nhiều phen huyết chiến với quân Mahrattes là những chiến-sĩ rất dũng-cam đã từng làm cho ben dịch phải lộn-hại trước khi chịu hạ khí-giới vào năm 1818.

Bình xong quân Mahrattes, quân Anh lại phải dẹp một toán quân của vương trong miền Panjab. Quân của vương này gồm có Sikhs là một pheai-dò Bà-la-Môn di-cư đến miền Panjab từ đầu thế-kỷ thứ 19. Nhiều nhà tham-hiêm Âu-châu qua Panjab đã tỏ-chức giúp dân Sikhs thành những quân-đội có kỷ-luật, có chiến-thuật. Cao-nên người Anh phải hao binh tổn tướng trong hai trận kịch-chiến năm 1845 và 1849 mới dẹp xong giặc Sikhs. Từ đó, dân Sikhs vai lòng ở dưới quyền đô-hộ người Anh mà những quân Sirks ngày nay là những quân tinh-nhuệ làm vẻ vang cho quân-đội Ấn-độ trên trường chiến-đấu. Trên đường giao thông giữa Ấn-độ và Á-phủ-hãn, pháo-dại Jam-Roud, nhờ có quân-đội Sikhs, mà giữ được vững ngoài biên, giữ được yên bờ cõi.

Năm 1849, dẹp yên giặc Sikhs thì đến năm 1857, binh-lính ban xứ nổi loạn làm cho chính-phủ bảo-hộ Anh phải một phen nguy-ngập.

Nhưng cuộc đồ-mau chí-thu hẹp trong miền đồng-bằng sông Gange và sau hai năm huyết-chiến, trong nước lại trở lại cuộc thái-bình.

Sau cuộc nội-viến này người Anh bãi công-ty Ấn-độ đã có sự

trong nước chính-phục toàn cõi Ấn-độ và vẫn giữ quyền cai-trị Ấn-độ (tới khi ấy. Ấn-độ từ đó về thuộc quyền Anh-hoàng và Chính - phủ Anh cử Phó-vương đại-diện cai-trị. Năm 1876, Ấn-độ đặt thành đế-quốc và Hoàng hậu Victoria lấy hoàng hiệu là Nữ-hoàng Ấn-độ.

Ấn-độ có 240 triệu người Ấn-độ và 80 triệu dân Hồi hồi. Hai giống người này rất ác cảm với nhau, từ bao đời vẫn không thể hòa thuận được với nhau. Các nhà cầm quyền Anh lợi dụng sự chia rẽ ấy để cai-trị được dễ dàng. Vì vậy chỉ một ít quan chức người Anh mà điều khiển được vận mệnh mấy trăm triệu dân Ấn-độ.

Tuy nhiên, chính sách cai trị của người Anh cũng không thể không gặp phản động lực giữa dân chúng. Trong nước vẫn nổi một phong trào quốc gia khuyến khích về việc giải phóng cho toàn cõi Ấn-độ khỏi vòng đô hộ người Anh. Trong số các lãnh tụ, phải kể đến hai người muốn yêu cầu cho nước họ được tự trị, còn phái ái quốc xoi nổi thì hàng hái muốn trục xuất người Anh ra khỏi đất Ấn-độ, dù phải dùng đến bạo động cũng không chịu lùi bước.

Năm 1921, người Anh đã phải một phen kho nhọc để tiêu trừ những cuộc nổi động trong xứ Ấn-độ.

Tuy dùng vũ lực để trừ nội biến, người Anh cũng nghĩ đến việc mở rộng phạm vi cuộc cai trị Ấn-độ. Năm 1919, tại Ấn-độ có đặt hiến pháp, lại thành lập một hội nghị tư pháp do dân bầu cử.

Hàng năm, Ấn-độ được cử đại-biên sang Anh dự hội-ng nghị đế-quốc, để bàn về các vấn-đề có quan-hệ chung đến các thuộc-quốc. Mà cạnh các đại-biên người Anh, đại-biên Ấn-độ cùng với đại-biên các thuộc-quốc cũng được dự bàn trong các kỳ hội đồng của hội Quốc-liên.

Từ năm 1915 đến năm 1918, xứ Ấn-độ đã dự một phần quan trọng trong cuộc Ấn-chiến. Quân-đội Ấn-độ đã từng chiến đấu tại các mặt trận miền tây Âu, trên eo đất Dar-danelles, trong vùng Mésopotamie

Mà trong cuộc chiến tranh hiện-thời, quân-đội Ấn-độ cũng đã lập được nhiều chiến công oanh liệt trên các mặt trận hoàn cầu, giúp Anh kháng chiến với phe Trục.

Sau khi hạ được quân cảng Tân-gia ba, quân Nhật tiến đánh Diến-điện rất gấp và đã tới kinh-thành Rangoon.

Thành Rangoon đang ở trong một tình thế nguy ngập.

Hiện nay, trên đất Diến-điện quân đồng minh trong có quân Ấn-độ và Tàu đang kịch chiến với quân Nhật để mong giữ vững tình thế.

Sự hợp tác chặt chẽ giữa Ấn-độ và Trung-hoa cùng sự liên lạc mật-thiết của quân-đội hai bên là kết quả quan-trọng của cuộc đàm-phán giữa Anh và Trung-khánh tại Ấn-độ.

Về phương diện binh-hệ, cuộc phòng thủ Diến-điện được coi như thuộc vào chương-trình phòng thủ Ấn-độ.

Diến-điện ở trong một tình-thế cấp-bách, nên Ấn-độ sẽ chiếm một địa-vị quan-trọng trong cuộc kháng-chiến của Anh.

Đường Diến-điện vẫn dùng để vận-tải chiến-cụ cho Trung-hoa sắp bị cắt đứt, chính phủ Trung-khánh đã dùng đường hàng-không Ấn-độ để tiếp-tục chiến-cụ thay cho đường Diến-điện.

Nay mai Tướng giới-Thạch sẽ cử một phái bộ quân sự sang Ấn-độ để liên lạc trong cuộc hành-binh.

Trên đất Ấn-độ, đã bắt đầu phòng thủ để đối phó với tình-thế hiện-thời.

25 Février 1942, tại hai tỉnh Kara-chi và Bombay đã tập-phòng không.

Phía bắc Ấn-độ cũng đang dự bị một cuộc tập trận rất lớn.

Một ngày không xa, Ấn-độ-dương nổi sóng, xứ Ấn-độ sẽ là nơi tập-trung các lực lượng của đế-quốc Anh, là căn-cứ của Anh để liên-lạc hai chiến-truyến Ấn-Á trong một cuộc trường kỳ đề-kháng.

Công dụng của xứ Ấn-độ không phải là nhỏ vậy. NHẬT-NHAM

TRẦN-TÂN TẬP-CUỐI Những ông Nghề chiều Lê

Tiếp theo trang 8

từ 35 b, Phan-hòa-Phủ biên-lập, Phan-huy-Sảng tuần đính) cũng chép « ông ba mươi một tuổi đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ khoa mậu-thìn năm Thai-hoa thứ sáu (1448); lúc mới làm đồng-tu quốc-sử, rồi làm đến an-phu đại-sứ, hưởng thọ sáu mươi năm tuổi, về tri-sĩ, rồi mất »

12 — Nguyễn - thúc - Thông, người làng Quế-dương, huyện Đan-phượng, phủ Quốc-oi. Ba mươi tư tuổi đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ khoa mậu-thìn (1448). Lúc mới làm đồng-tu quốc-sử, sau làm đến tham-chính Ông là tổ ba đời ông Nguyễn-quang-Sạn; ông cháu đỗ cả.

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỔ

Tài-liệu để đính-chính

Tiếp theo trang 7

chép là « có nhường ai », thì không đối với về dưới là « cao gối mau chân không kẻ đợi », v. v.

4) Nguyễn-văn chữ Hán như sau này; hiện chưa ai in bản nôm ra quốc-ngữ.

Ô-diên cổ-thành

Lý Triệu sơn hà dĩ biến canh,

Phủ diên kỷ xứ độc ai minh!

Chiến hỏa đề cục tùy lưu thủy,

Xương bích không dư thảo mãn
thành,

Thiên-phủ biệt-phái

Thủy giáo vô phương bạch trĩ đầu

Thiên phủ sa ngạn tích do lưu.

Nhất gia phu phụ thiên thu mĩu

Hua quốc trung hồn thắng kỷ tu

Tìm xuân miền rừng núi

HÁT LƯỢN

NHẬT-NHAM

TRAI gái ở vùng Lạng-sơn có nhiều cuộc chơi xuân rất thú. Ngoài trò «ném cồng», họ lại còn có tục «hát lượn» nữa.

Làng này sang làng khác xem hội, họ thường đi từng bọn năm, sáu người. Khi trời gần tối, trai gái ở xa toan từ-biệt ra về, thì trai gái trong làng ra lưu lại, kéo nhau vào họp trong một nhà đã sửa soạn từ trước. Vào tới nơi, cơm rượu sẵn-sàng, cứ v ệc cùng nhau chén thù chén tạc. Cha mẹ muốn cho trai gái được tự-do, bèn lánh vào trong nhà. Trai gái ngồi chen vai thích cánh nhau để tiện ép nhau uống rượu. (Cót có đốc lấu hử căn kìn vớ — Ôm cổ đốc rượu cho nhau uống).

Giữa tiệc rượu, hai người con trai ra lượn đồng-thanh nài khách xa cùng lượn cho vui.

Thế là bắt đầu một cuộc trao đổi tình-tử bằng những bài hát lượn sau đây.

Một bên cùng hát đề nài bên kia :

Mơ bài khai khẩu ước chào xuân
(Mở bài khai khẩu hũy chào xuân)
Tiếng cạ duyên cần mĩ ái-ân
(Nghe tiếng nhà người có lòng ái-ân)
Tiếng cạ duyên cần mĩ xuân-sắc
(Nghe tiếng nhà người có vẻ đẹp mùa xuân)
Xuân-sắc mà dăm quảng tiếng cần
(Vẻ đẹp mùa xuân về chiều tối lẫn bóng người)

X

Mơ bài khai khẩu ngộ tương-tri
(Mở bài khai khẩu : gặp tương-tri)
Cư piác tẻ sam bạn làng thì
(Cất giọng hỏi thăm bạn khác nơi)
Cư piác tẻ sam bạn tang bản
(Cất giọng hỏi thăm bạn khác làng)
Tang oán mĩ thương hội ná mĩ ?
(Bạn khác làng có lòng thương đến hay không?)

Bạn hội ! dương rừ ná ngấm xuân
(Bạn hội ! sao mà không nghĩ xuân)
Pi bươn xuôi khin tợ lăm lăm
(Ngày tháng trôi đưa tựa cây than mọc)

Pi bươn xuôi khin tợ lăm cước
(Năm tháng trôi đưa tựa giấy cước)
Khắp nước chơi xuân há một rầu
(Khắp nước chơi xuân, há chỉ riêng chúng ta !)

Trai làng « lượn » đến bài này, thì quay lại ép mời bạn gái ở xa đến một chén rượu :

— Về chển nầy quá pây xam ni xe
ngó pây nỉn đười. Này ! uống chén
rượu này xong rồi sang hỏi anh ấy
chờ tôi đến nhà chơi với nhé.

Dù không uống, con trai làng cũng cổ vít cổ đồ rượu vào mồm các cô ở xa lại. Các cô tuy ngồi giữa mâm rượu đương ăn uống cũng phải ngừng lại để hát trả nhời.

Đêm khuya thanh-vắng tiếng khuya
đó,

Chim kêu thánh-thót lọt bài thơ.
Đương tọa đồng bàn «chim máy» (1)
Bằng-hạ có lòng hũy đợi-chờ !
hội

X

Đêm khuya thanh vắng tiếng
khuya lơ ;
Cơm nước đương ăn chưa vội nài
Đương tọa đồng bàn «chim máy»
hội !

Hạ bàn thông-thả sẽ tình chơi
X

Khin rườn chuát đèn te ngồi ná
(Lên nhà thấp đèn để xem mặt)
Ngồi pần bạn khóa rự vẫn xưa
(Xem như bạn cũ từ ngày trước)
Khin rườn chuát nển te ngồi cần
(Lên nhà thấp nển để xem người)
Ngồi pần bạn cổ-nhân te lượn rừ
(Xem như bạn cổ nhân để lượn chơi)

X

Mây khoang thúc lặn tấu vườn pần

(Gặp gỡ tránh đường nên quanh
sang vườn nữa)

Mùa lín mùa khua nầu dăm au ?
(Mùa chơi bởi vui cười, ai dăm lầy)
Mùa lín mùa khua nầu au đay ?
(Mùa chơi bởi vui cười, chờ ai đã
lầy nhau ngay được ?
Đay cạ au đay địa pần châu
(Nếu lầy được nhau thời tới đã
làm nên giàu rồi)

X

Mây khoang thúc lặn tấu vườn
deng
(Gặp gỡ chẵn đường, nên quanh
sang vườn chẵn)
Mùa lín mùa khua nầu dăm cheng ?
(Mùa chơi bởi, mùa vui cười, ai
dăm tranh)
Mùa lín mùa khua nầu cheng dáy ?
(Mùa chơi bởi, mùa vui cười, ai
tranh được :)
Pần rã rạ cheng đay địa pần · đơn
(Giã thử tranh được, tới đã nên
đánh g á)

X

Khẩu đồng hăn mạq liến nhợc
(Vào rừng thấg cây liến chắt)
Khẩu bản đơn mã kén cần tời sắc
rự nần hăn
(Vào làng chúng tôi mã kén người
đẹp thì khó thấg lăm)

X

Năm lạy lóng hát, nặm mưa dờn
(Nước chảy xuống thác, nước về
sông)
Cầm khẩu bâu miều phẩn hắt soong
(Cầm vào lá dứa chia làm hai)
Cầm khẩu bâu miều phẩn hắt hủ
(Cầm vào lá dứa phẩn làm năm)
Bạn hội ! ná lượn lai, lượn sắc
piông
(Bạn hội ! không lượn nhiều thì
lượn một nửa)

X

Bạn hội ! dương rừ ná ngấm
tháng
(Bạn hội ! sao mà không nghĩ đến)
Bản nọi, rườn d ếu, d ấu sấu đông !
(Làng nhỏ, nhà chơ chơi gần rừng)
Bản nọi, rườn d ếu, đông d ấu sấu !
(Làng nhỏ, nhà chơ chơi, rừng ở
gần)
Nặm thì mười hạ chẵn mã tháng

(Năm thì mười họa mới về đến
một lần)

X

Bạn hỏi ! dương rừ ná ngấm xa
(Bạn hỏi ! sao mà không nghĩ xa)
Bản nội, rườn điếu, đá sấu phía !
(Lang nhỏ, nhà chơ chọi, gần núi
đá)

Bản nội, rườn điếu, ph a dú sấu
(Lang nhỏ, nhà chơ chọi, núi đá ở
gần)

Năm thì mười họa chẳng mà qua
(Năm thì mười họa mới về qua
một lần)

X

Bạn hỏi ! dương rừ ná ngấm
giếng)

(Bạn hỏi ! sao mà chẳng trả nhời !
Hoy là sấu não đuổi về lãng
(Hay là sấu não với bên ngoại,
(nhà chổng)

Sấu não về lãng mặc sấu não
(Sấu não về bên ngoại mặc sấu
não)

Hiể rã mưa đuổi may khỏi quăng
(Hiể chổng tới đi theo chẳng nữa
thì sẽ lãng gổ ném)

X

Bạn hỏi ! mị khan khan mà khoái
(Bạn hỏi ! Có trả nhời thì mau
mau lên,

Khan mà thầu ké đág thỉnh giai
(Trả nhời để các cụ già được nghe
giải)

Bạn hỏi ! mị khan khan mà thối
(Bạn hỏi ! Có trả nhời thì trả nhời
đi thối)

Khan mà thầu ké đág thỉnh nhời
(Trả nhời để các cụ già được nghe
nhời hát lượn).

Đêm khuya thanh vắng tiếng khuya
thay !

Cơm nước đương ăn chưa rời tay
Cơm nước đương ăn sao anh vội ?
Bằng hữu có lòng cất chân vào
trong nhứt chén này

Hát xong bài này, các cô rót hai
chén rượu, kéo bên làng ngồi vào
màn uống cho hết. Nếu bên làng
không nhận rượu mà ý còn muốn
« lượn » nữa thì con trai bên khách
đường lên hát :

Đêm khuya thanh - vắng, tiếng
khuya chi,

Cơm nước đương ăn, chớ vội gì !

Cơm nước đương ăn sao em vội ?
Bằng đường như bắt ngật đuổi
anh đi.

Trai làng thấy nói thế không
dám nài « lượn ». chờ cho khách
ăn xong lại hát nối luôn :

Chơi xuân lín rệu rệu mị mùa,
(Chơi xuân có thì có mùa)

Ná quẩn cầm rặng cần thế khua,
(Chẳng quẩn điếu chỉ người đời
chê cười)

Ná quẩn cầm rặng cần thế cháng
(Chẳng quẩn chỉ người đời di-
nghì),

Ngân chèn pác pêng tựa cầm khua
(Tiền bạc trăm nén mua lấy tiếng
cười).

Bên khách ăn xong, mới cất giọng
« lượn » ba bài sau này đề xin phép
cha mẹ trong nhà :

I

Đêm khuya thanh vắng tiếng
khuya trai.

Kính các phụ mậu tràng-sinh bất
luận bai.

Kính phụ mậu tràng-sinh bài bất
luận,

Mặc lòng tôn-tử khẩu sơ khai

II

Đêm khuya thanh-vắng, tiếng
khuya minh,

Kính phụ mậu tràng sinh bất
luận tình.

Kính phụ mậu tràng sinh tình
bất luận,

Mặc lòng tôn-tử khẩu sơ sinh.

III

Đêm khuya thanh vắng, tiếng
khuya thời,

Kính phụ mậu tràng sinh bất
luận nhời.

Kính phụ mậu tràng sinh nhời
bất luận,

Mặc lòng tôn-tử khẩu sơ chơi.

Nếu khách xưa nay chưa đến
làng hát « lượn » bao giờ, hoặc
chưa quen ai có mặt tại đây, thì
hát :

Đầu năm xuân thả tuyết hoa
tranh,

Trạch đág vắn đág pây xuất-
hành.

Trạch đág vắn đág pây chơi lín
Nhất mà cầu lộc, nhị cầu danh

Đêm khuya thanh vắng, vắng
canh tường,
Nhất mà thẩn bóng, nhị thẩn
đường.

Thẩn bóng thẩn đường còn xa
lạ,

Đôi bên còn lạ, biết ai thương.
Nếu khách đã có lần đến làng
« lượn » rồi mà tro g kni « lượn »,
bà con quen biết, đến chơi đ ng,
thì « lượn » bài này đề tạ ơn :

Đêm khuya thanh vắng, vắng canh
thời,

Huynh-đệ lâu ngày về đến chơi.
Huynh-đệ lâu ngày về chơi đến,
Ơn tình bằng-hữu đang vui chơi.

Đêm khuya thanh-vắng, vắng canh
thời,

Giới phán huynh đệ cách đối nơi !
Giới phán huynh đệ cá h b ết chốn,

Họ-hàng thân-thích tới về chơi

.....

Rồi cuộc vui suốt sáng, câu hát
thâu đêm đến khi canh tàn, khắc
vợ, g'ong bát, tiếng cười còn vang-
vắng trong cỗi tịch-mịch hư-vô,
trước khi sắp sửa lên đường với
một mối cảm-tình lưu-luyến.

Khách từ tạ vài câu :

Đêm khuya thanh vắng, vắng canh
thời,

Huynh-đệ về chơi đã lâu rồi.
Huynh-đệ về chơi đã lâu tháng,

Ngày mai sáng rạng phượng hồi
nơi.

Thế rồi tay cầm tay, bằng khuâng
nhớ người, nhớ cảnh, khôn cớ dờn
chân...

Cho mãi đến lúc mặt trời lấp ló
đầu non, hai bên mới từ-biệt ra về,
hẹn chóng tới ngày xuân năm sau
đề lại cùng tuổi xuân tương-bưng,
nô-nức...

NHẬT-NHAM

1) Gọi con trai làng là chim mây.

Cải chính

Tri-Tân số 36, trang 14, cột 1'
dòng 17: sau chữ « quân », th*ra chữ
« ta »; dòng 24: sau chữ « chực »
thừa chữ « cươp ».



THOÁT CUNG VUA MẠC

SỐ 12

CHU-THIÊN viết

hòa với sóng lòng
vị « thù - phi »
đang quay-cuồng
mơ tính...

V

Nhưng ta có việc gì đâu, Thằng-hoặc
ta có sao chẳng nữa, cái đó cũng tại
ta cả, vui lắm thì phải mệt, chứ có
việc gì đến ái-khanh. Mà ta với ái-
khanh đã chung chăn gối gì đâu,
ái khanh đã vội lo ngại.

Liên-Tường lại nũng-nịu nói với
Mac-vương :

— Đại vương biết cho như thế,
tiên-thiếp cũng tam được yên lòng.
Vây xin đại-vương nằm yên nghỉ
kẻo mệt đến ngọc-thề.

Mac-vương cười nói :

— Không, ta phải lên chính - tâm
của ta chứ Ái-khanh cứ yên lòng.
ta không việc gì đâu.

Liên-Tường nói :

— Vâng. Nhưng đại-vương cho tiên-
thiếp được hộ-giá đại-vương và nếu
đại-vương có trái gió gió gì sao,
xin cho tiên-thiếp được ở đây hầu
hạ đại-vương để tạ ơn tri-ngộ !

Mac-vương cả cười :

— Gớm, ái - khanh lo xa quá.
Được nếu ta có sao thì chả nhờ ở
ái-khanh chăm nom cho, còn nhờ
ai nữa ? Nay, ái-khanh khéo nói,
khéo chiều ... Ta chưa thấy ai có
duyên như vậy.

Đoan, Mac-vương giục sắp kiệu
hồi điện, vương cho cả Liên-Tường
theo hầu về.

Mac-vương uống nhiều rượu
nhểm hân vào rồi lại đi qua sân,
gặp gió lạnh, nên về đến phòng
thành ra ốm nặng. Cả phủ đều lấy
làm lo, mọi người đều đổ cho
vương quá yếu Thứ-phi Trịnh-Liên
nên nổi vậy, nên các quan cao và
các bà phi đều không muốn cho
Liên - Tường hầu cận bên mình
vương. Nàng liền sụt sùi quỳ khóc
bên vương mà rằng :

UY-ĐỨC đại-vương thật lan
khấp non sông cây cỏ,
xin đại-vương uống cạn
chén này để mừng cho tiên-thiếp
được nhờ uy-đức đại-vương mà
rửa được mối nhục đau lòng, và
mừng cả thần-dân thiên-ha từ nay
được hưởng thái-bình.

Mac-vương hà-hà cười, đỡ lấy
chén rượu, uống cạn một hơi, rồi
khen :

— Ái-khanh người đẹp lại nói có
duyên quá, ai mà nữ chối-từ.

Rồi đo hai người đối ẩm, Liên-
Tường hết sức khéo-léo chuốc rượu
khuyến mời Mac-vương.

Mac-vương vốn không uống được
rượu, lúc ấy nhân quá chén, nằm
lăn ra đấy rồi ngủ thiếp đi. Bấy
giờ canh đã khuya, bốn bề yên-
lặng như tờ, nàng lấy chân đạp
cho Mac-vương, rồi truyền cất dọn
xong đâu đấy, nàng cho tất cả thị-
nữ lui đi ngủ ! Còn nàng bắc ghế
ngồi cạnh giường túc trực.

Đêm khuya, một mành, một bóng
với một ngọn đèn, nàng băng-
khuang tự nghĩ : Ta nay thù nhà
đã báo, lẽ nên một thác cho rồi,
nhưng cha già còn chưa cứu ra thì
sao vội quyền sinh cho được. Ta
phải tìm kế cứu cha đã...

Nàng nghĩ quách nghĩ quẩn, một
mình ngồi nhẩn tẩn canh, không
bè nhập mắt. Trong khi ấy, tự các
chòi canh, những tiếng cồng, tiếng
mỏ cầm canh nhát nhát lại vọng
vào mãi tận trong thâm-phòng, như

Hôm sau giời vừa sáng, màn
sương lạnh-lẽo, trăng biếc của mùa
đông còn là-là bao-phủ khắp cả,
thì, trong phòng, Mac-vương tỉnh
dậy, vương mệt-nhoc ê-âm cả mình,
nhưng thấy Liên-Tường tiểu-thư
vẫn ngồi canh, vương lên gương
ngồi dậy, cười bảo nàng rằng :

— Ái-khanh ơi ! Đêm qua vì ta
quá chén đến nỗi phụ cả giai-kỳ,
khiến cho ái-khanh một mình tịch-
mịch canh trường, thật là lỗi đạo
vợ chồng xin ái-khanh cũng lượng
tình tha-thứ cho ta ! Để dành đêm
ray, ta sẽ cùng ái-khanh ân-ái !

Liên-Tường tiểu-thư nghe nói,
mặt đỏ bừng bừng, cứ cúi đầu nín-
lặng không nói-năng gì cả. Mac-
vương tưởng nàng giận, liền đứng
dậy, lại gần nàng, vuốt-ve mái tóc
mà nói :

— Tại ta quá say mà cũng tại ái-
khanh khéo chuốc mời ta đấy chứ.
Thôi ái-khanh xá lỗi cho ta. Đôi
ta ân-ái còn dài...

Liên-Tường tiểu-thư bỗng cười
đứng lên đỡ lấy Mac-vương mà
rằng :

— Trăm lạy đại-vương, xin đại-
vương đừng nghĩ oan cho tiên-
thiếp làm vậy. Tiên-thiếp chỉ lo
đại-vương vì quá vui ở Tây-phòng,
ngộ rồi ngọc-thề bất an, chèn-
mảng cả quắc-quốc đại-sư thì tiên-
thiếp thật đắc tội với đại-vương và
mang tiếng với các phòng...

Mac-vương cố cười vui - về đáp :

— Ái - khanh lo chu - đáo quá.

— Trăm lạy đại-vương, đại-vương đã cho phép tiện-thiếp hầu-hạ đại-vương ; nhưng các đức bà và các cao-quan trong phủ đều có ý nghi ngờ vì tiện-thiếp khiến đại-vương se-mình. Xin đại-vương truyền bảo cho kéo tẹn - thiếp bị oan-uổng...

Mạc-vương càng thêm thương mến, mới gượng truyền xuống mọi người rằng :

— Không ai được nghi oan cho Thứ-phí Trịnh-Liên ta, mới cùng phi uống rượu, chứ chưa mở khóa động đào. Ta đã bằng lòng cho phi ở đây, cấm không ai được nói năng gì oan-uổng cho phi. Ai không tuân, sẽ bị nghiêm hình !

Từ đấy không ai còn dám hé mồm chỉ trích gì nữa. Liên-Tường được công-nhiên ở trong điện, luôn luôn ở bên tả hữu Mạc-vương, hết sức siêng-năng chăm-nom hầu-hạ.

Luôn mấy ngày ốm nặng, thấy nàng rất tận tâm với mình, Mạc-vương càng đem lòng yêu mến, giọt lệ trượng-phu bỗng chảy ra mà bảo nàng rằng :

— Ái-khanh trung-thành với ta quá ! Ta càng nghĩ càng thương hại cho khanh mới cùng ta gá nghĩa sắt cầm, chưa từng được vui tình chăn gối ; nay ta bị bệnh, nếu có mệnh nào, chẳng hóa ra làm nũng phi cả một đời xuân-xanh của ái-khanh lắm ru !

Liên-Tường làm ra vẻ buồn-bã nói với Mạc-vương rằng :

— Xin đại-vương bảo-trọng mình vàng, chớ quá ưu-tư vì tiện-thiếp e lại tăng bệnh lên chăng. Tắm thân hèn này dù tan xương nát thịt cũng không đủ đền ơn tri-ngộ của đại-vương.

Mạc-vương lại cố gượng nói :

— Lòng ái-khanh thủy chung như vậy, ta quên sao được...

Liên-Tường nhân dịp xỏ nài :

— Muốn-văn cảm-tạ đại-vương, tiện-thiếp xin phép đại-vương thành tâm thử bói một quẻ xem cát hung thế nào, để được yên lòng khỏi phải lo nghĩ...

Mạc-vương mỉm cười nói :

— Ái-khanh thực lòng yêu ta quá. Vậy ái-khanh cứ thử bói xem sao.

Liên-Tường tiểu-thư liền đứng lên rửa tay và thân hành đi hái hoa về bày rồi thắp hương lâm-dâm khẩn vái, đoạn reo ba đồng tiền đồng xuống đĩa mấy lượt. Rồi nàng nói to lên rằng :

— Trên sáu là Tốn, dưới bảy là Chấn, quẻ Phong lối Ích.

Mạc-vương vội hỏi :

— Quẻ gì vậy ?

Liên-Tường thông-thả đáp :

— Bầm lạy đại-vương quẻ Phong lối Ích. Cứ như ý trong quẻ bói này, thì chỉ vì hiện nay có nhiều oan-ngục, thiên-hạ tất nhiều kẻ vô cớ mà chịu tội oan-uổng, nên Giới, Đất, Quỷ, Thần trách phạt vào đại-vương... Bởi vì quẻ này có chữ « Ích » chính nghĩa là thêm, mà ở đây lại là lộn. Phong lối Ích tức là gió sấm càng dữ đề trách phạt vào bản-thân đại-vương. Tiện-thiếp xin đọc cả bài thơ tổng-đoán đề đại-vương rõ :

« Phong lối tương cử,
« Ích đạo thủy nhiên,
« Tiểu nhân đạt tình,
« Hình ngục chi khiến,
« Quân-tử vị biến,
« Kiến thiện tắc thiên ! »

Đấy bầm đại-vương, cái lỗi là do ở hình-ngục nhiều, mà vì kẻ tiểu-nhân lạm quyền gây ra làm oan-ngục quá, nên vị của người quân-tử xảy ra tai-biến. Bầm, « quân-tử » đây là chỉ vào đại-vương vậy.

Mạc-vương nằm vừa nghe Liên-Tường vừa ngẫm-nghĩ, thấy nàng ngừng lại, vương vội nói :

— Ái-khanh bói thiêng thật. Thế mà cả triều không một ai biết cơ ứng biến đề ta phải chịu ốm yếu mãi như vậy. Giá không có ái-khanh có phải nguy đến tính-mệnh ta không ! Thật cả triều văn-võ đại-thần không cao-kiến bằng một người con gái !

Liên-Tường vội cướp lời :

— Trăm lạy đại-vương, đại-vương quá khen vậy chứ. Chẳng qua tiện-thiếp thành-tâm, mà đại-vương cũng chân-tình muốn cho tiện-thiếp bớt-vấn, nên bói ra khoa thấy, tiện-thiếp xin cứ thực mà thưa như vậy, chả biết có

hợp gì với mọi việc ở triều không ?

Mạc-vương cố quay mặt lại nhìn Liên-Tường nói :

— Không ! Ái-khanh bói đúng đấy. Có lẽ tại Nguyễn-Tân Nguyễn-Bái và cả các nơi nữa, họ ý thế ta, làm càn đề đến nỗi làm người bị tội oan, nên mới xui nên quẻ bói như vậy chứ ! Ái-khanh biết đâu mà bịa đặt ra.

Vương lại mỉm cười hỏi :

— Thế bây giờ cô thầy bói bảo ta sao nào ? Đàn tràng lễ lạy thế nào ? Cô cứ theo quẻ mà nói...

Liên-Tường nũng-nịu đáp :

— Đại-vương cứ giũu tiện-thiếp thế ! Tiện-thiếp xin chịu thôi không nói nữa.

Mạc-vương phải vội nghiêm nét mặt lại bảo nàng :

— Không, ta nói thật đấy mà. May nhờ có ái-khanh ta mới biết đến cái lỗi của ta. Vậy bây giờ ta phải cầu khẩn lễ lạy thế nào, ái-khanh đã biết rõ ở trong quẻ, cứ nói thẳng ra, cho ta mau qua khỏi, ta sẽ trọng thưởng ái-khanh, và Trịnh-Hồng, lại cho truy-tặng cả cha mẹ nữa.

Liên-Tường vội lạy tạ, tâu rằng :

— Trăm lạy đại-vương, đại-vương thật là nhân hậu như giới như bề, nghĩ chu-đáo hết mọi lý, mọi tý. Nhưng bổn-phận tiện-thiếp đã được đại-vương tin yêu nhường này, thì có điều gì biết là phải nói thực, chứ có dám đâu mong đại-vương ban thưởng... Cứ như trong quẻ này, có câu « Kiến thiện tắc thiên », tức là thấy có điều thiện-cử, thì rồi mọi việc đều thay-đổi. Như vậy thì không cần phải lễ bái cầu khẩn gì cả. Lễ bái cầu khẩn chỉ là việc ngon, mình mãi làm việc ngon mà không nghĩ đến gốc thì đâu nó lại đóng đấy, nào có ích gì. Chỉ bằng bây giờ xin đại-vương làm một việc thiện lớn nhất mà chính ngay từ gốc là tận xá các tội-nhân.

còn nữa
CHU-THIÊN

BÀ NGHÈ SÁU TIỀN

NGUỖN - BẢ-DƯƠNG, người làng Nguyễn-xá, huyện Thần-khê, thuộc phủ Tuyên-hưng, tỉnh Thái-bình bây giờ, học hay chữ nhưng nhà nghèo, nghèo đến nỗi thiếu ăn, thiếu mặc. Nhân có thầy du-học Kinh-sư, Nguyễn liền theo đi giữ việc bếp nước, để nhờ lấy lương ăn học. Nhưng vốn tính lẳng-mạn, mỗi khi đi chợ mua bán, lại ghé vào hàng thịt chó uống rượu chửi, chửi tăng mới tăng cũ, mãi không có tiền trả! Sau bị chủ quán thẳng-thức quá, Nguyễn phải cáo đau chân ở nhà, không dám ra đến ngoài.

Không bao lâu, đến khoa thi hội, tức là khoa Bình-tuất đời Lê Cảnh-hưng, Nguyễn có chân học Giám, được dự thi và được vào đến đệ tứ trường. Kỳ văn-sách, đoạn văn còi Nguyễn viết khá lắm, song bỏ thiếu mất hẳn đoạn văn kim, ai cũng bảo hỏng, nhưng Nguyễn nhất quyết là thế nào cũng đỗ. Nhân cao hứng quên cả nợ, lại đến hàng thịt chó uống rượu. Chủ quán vớ được, liền

đòi nợ cũ, Nguyễn khất đến hôm xem bảng sẽ tra g-trái đầu có đầy. Chủ quán cho là nói khoác, bắt đình xò lại lộ áo từ nợ cho bõ ghét. Các khách ăn trong quán đều ái-ngại, khất nợ bộ nhưng chủ quán vẫn không nghe.

Lúc ấy bỗng có một thiếu-nữ gánh rượu đi qua, thấy người trai-trẻ, diện-mạo học trò, bị lột trần đứng sững trước quán, ra dáng thẹn thò, thì động lòng thương. Hỏi ra mới biết Nguyễn nợ chủ quán có 6 tiền, liền đếm ngay tiền đưa cho để chuộc lại áo. Được áo mặc khỏi bị ở trần, lễ tất nhiên là Nguyễn mừng rỡ, mang ơn cô hàng rượu, tuy không nói ra miệng, nhưng đã hén lòng: sau khi chiếm bảng, sẽ đem cái chức « bà Nghè » để trả ơn.

Hôm sau phóng bảng, quả-nhiên Nguyễn đỗ Tiến-sĩ thứ 6. Điều thứ nhất là đem ngay việc gập gở cô hàng rượu có con mắt tình đời ấy nói với thầy đề nhờ đứng chủ hôn. Thế rồi trên con đường thiên-lý từ kinh-đô Thăng-long qua

— Cuộc đời buổi đua chen,
Giống hơn dặt g ống hèn;
Ta hèn có người dặt; Nhờ
người, ta biết ơn.

(Lân Đà)

— Ta ơn người Lang-sa; Ta
thương người nước ta

(Tân Đà)

— Đường xa đi lại khó; Giắt
ta có Bão-hộ.

(Tân Đà)

— Hai nhăm triệu dân ta;
Hợp lòng mong nước nhà;

Khai hóa có Bão hộ; Văn-
minh gần không xa.

(Tân Đà)

— Sung sướng như chúng
ta; Thục là nhờ Lang-sa;

Giếng sâu, mạch nước tốt;
Cây cao bóng rợp xa

(Tân Đà)

trạm Hoàng-mai (quê cô hàng rượu) về huyện Th-n-khê, người ta thấy một đám rước cờ biền linh-dinh, và lại có « vông anh đi trước, vông nàng đi sau ». Đó là đám « vinh qui cùng với vu qui một ngày » của anh chàng vừa bị lột áo ở hàng thịt chó hôm mới rồi. Rồi câu chuyện « Bà Nghè sáu tiền » đồn đi khắp chợ thì quê, truyền làm một thiên giai-thoai từ bấy giờ cho đến ngày nay, ta còn thấy chép trong Đăng-khoa-lục.

THI NHAM

CHỈ NAY MAI

QUỐC - HỌC THƯ-XÃ

sẽ phát-hành

TÂM NGUYỄN TỪ-ĐIỀN

Tinh hoa linh 100 bộ kinh, chuyên
cổ, hằng ngày tài liệu điển cổ cần
biết để hiểu rõ văn-chương Việt-
Hán và quốc-văn, sách dày trên
400 trang, có chưa chữ Hán
giấy thường 2p.80
giấy bouffant 3p.80
giấy bouffant bìa vải 5p.00
giấy bouffant bìa gấm
(loại sách tiến vua) 10p.00

(Loại sách quý in giấy bêu ant
hào hàng có đánh số, hữ ký và
lời đề tặng của tác giả dành riêng
cho các bạn đặt tiền trước khi
sách phát hành. Loại sách bìa toàn
gấm ngũ sắc thuộc loại tiến vua
rất quý, ai đặt mua sẽ in tên ch
vàng ở gáy sách.)

THƯ TỪ NGÂN PHIẾU ĐỀ

M LÊ VĂN HÒE

Gám đốc QUỐC HỌC THƯ XÃ
16bis Lien Tsun Hanoi